PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 31/2012/TT-BKHCN	*Hà Nội, ngày 28 tháng 12 năm 2012*

THÔNG TƯ
Hướng dẫn xác định dự án, tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp thực hiện dự án thuộc Chương trình nghiên cứu, đào tạo và xây dựng hạ tầng kỹ thuật công nghệ cao

Căn cứ Luật Khoa học và công nghệ ngày 09 tháng 6 năm 2000;

Căn cứ Luật Công nghệ cao ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 28/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Quyết định số 2457/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình quốc gia phát triển công nghệ cao đến năm 2020;

Căn cứ Thông tư số 02/2012/TT-BKHCN ngày 18 tháng 01 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc hướng dẫn quản lý Chương trình quốc gia phát triển công nghệ cao đến năm 2020;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Công nghệ cao;

Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn xác định dự án, tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp thực hiện dự án thuộc Chương trình nghiên cứu, đào tạo và xây dựng hạ tầng kỹ thuật công nghệ cao như sau:

Điều 1. Phạm vi và đối tượng điều chỉnh

Thông tư này hướng dẫn xác định dự án, tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp thực hiện dự án thuộc Chương trình nghiên cứu, đào tạo và xây dựng hạ tầng kỹ thuật công nghệ cao (sau đây viết tắt là Chương trình) bao gồm: dự án phát triển công nghệ cao, dự án ứng dụng công nghệ cao, dự án xây dựng và phát triển hạ tầng kỹ thuật công nghệ cao, dự án phát triển nhân lực công nghệ cao (sau đây viết tắt là dự án); áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp tham gia thực hiện và quản lý Chương trình.

Điều 2. Đề xuất dự án, đề xuất đặt hàng dự án

1. Đề xuất dự án

a) Căn cứ đề xuất dự án:

- Theo mục tiêu, nội dung, nhiệm vụ của Chương trình;

- Theo chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, nghị quyết, chương trình, đề án, dự án đã được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các Bộ, ngành, địa phương, tập đoàn và tổng công ty phê duyệt;

- Yêu cầu đột xuất của Lãnh đạo Đảng, Nhà nước, Bộ, ngành và địa phương;

- Nhu cầu của thị trường.

b) Căn cứ quy định tại điểm a khoản 1 Điều này, tổ chức, doanh nghiệp thực hiện việc đề xuất dự án.

2. Đề xuất đặt hàng dự án

Người đứng đầu Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; các ban của Đảng; các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp cấp Trung ương; tập đoàn, tổng công ty Nhà nước căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này và yêu cầu của cơ quan mình đề xuất đặt hàng dự án.

3. Nguyên tắc đề xuất dự án, đề xuất đặt hàng dự án

a) Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; các ban của Đảng; các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp cấp Trung ương; tập đoàn, tổng công ty Nhà nước (sau đây viết tắt là Bộ, ngành và địa phương) hướng dẫn, tập hợp và có ý kiến về đề xuất dự án của tổ chức, doanh nghiệp thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ, ngành và địa phương; đề xuất đặt hàng dự án gửi Bộ Khoa học và Công nghệ;

b) Đối với đề xuất dự án của tổ chức, doanh nghiệp không thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ, ngành và địa phương quy định tại điểm a khoản này, Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn, tập hợp, có ý kiến về các đề xuất dự án.

Bộ Khoa học và Công nghệ tổ chức nghiên cứu, phát hiện, tìm kiếm các dự án có tính khả thi cao để đề xuất đặt hàng;

c) Bộ Khoa học và Công nghệ tổng hợp đề xuất dự án, đề xuất đặt hàng dự án.

Điều 3. Yêu cầu chung đối với dự án

1. Có mục tiêu, nội dung và sản phẩm dự kiến phù hợp với yêu cầu được quy định tại Chương trình.

2. Đáp ứng tiêu chí quy định tại Thông tư số 02/2012/TT-BKHCN ngày 18 tháng 01 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn quản lý Chương trình quốc gia phát triển công nghệ cao đến năm 2020.

3. Không trùng lặp về nội dung với nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã và đang thực hiện.

4. Có khả năng huy động nguồn lực từ doanh nghiệp, tổ chức khoa học và công nghệ, các nhà khoa học trong nước và ngoài nước tham gia thực hiện.

5. Tác động đến sự phát triển của ngành, lĩnh vực, vùng kinh tế.

6. Thời gian thực hiện phù hợp với yêu cầu của từng dự án. Trường hợp đặc biệt do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quyết định.

Điều 4. Nguyên tắc xác định dự án

1. Ban chủ nhiệm Chương trình nghiên cứu, đào tạo và xây dựng hạ tầng kỹ thuật công nghệ cao (sau đây viết tắt là Ban chủ nhiệm) giúp Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ:

a) Tổ chức xây dựng, thẩm định danh mục dự án;

b) Xem xét danh mục dự án để đưa ra thông báo tuyển chọn, giao trực tiếp;

c) Tổ chức thẩm định nội dung và kinh phí thực hiện dự án trình Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét, quyết định.

2. Dự án trong danh mục đưa ra thông báo tuyển chọn, giao trực tiếp được xác định tên, mục tiêu và yêu cầu đối với sản phẩm của dự án.

3. Trình tự xác định dự án trong danh mục được quy định tại Điều 5, 6, 7 và Điều 8 của Thông tư này.

Điều 5. Quy trình đề xuất dự án, đề xuất đặt hàng dự án

1. Bộ, ngành và địa phương tổ chức hướng dẫn các tổ chức, doanh nghiệp thuộc thẩm quyền quản lý của mình đề xuất dự án, đề xuất đặt hàng dự án thuộc Chương trình (Biểu A1-1) theo hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ và quy định tại Thông tư này.

2. Hàng năm, hàng quý, hàng tháng, Bộ, ngành và địa phương tổng hợp danh mục đề xuất dự án, đề xuất đặt hàng dự án (kèm các phiếu đề xuất dự án, đặt hàng từng dự án), đồng thời Bộ, ngành và địa phương phải có ý kiến về các đề xuất dự án của tổ chức, doanh nghiệp (Biểu A1-2), gửi về Văn phòng Chương trình quốc gia phát triển công nghệ cao, Bộ Khoa học và Công nghệ, 39 Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

3. Bộ, ngành và địa phương có trách nhiệm tiếp nhận, ứng dụng kết quả nếu đề xuất dự án của tổ chức, doanh nghiệp; đề xuất đặt hàng dự án của Bộ, ngành và địa phương được chấp nhận.

4. Ban chủ nhiệm tổ chức nghiên cứu, phát hiện, tìm kiếm các dự án có tính khả thi cao để Bộ Khoa học và Công nghệ đề xuất đặt hàng dự án.

5. Căn cứ vào mục tiêu, nội dung và sản phẩm phù hợp với yêu cầu được quy định tại Chương trình, Ban chủ nhiệm lựa chọn, tổng hợp danh mục đề xuất dự án, đề xuất đặt hàng dự án từ các Bộ, ngành và địa phương.

Điều 6. Xây dựng danh mục dự án

1. Ban chủ nhiệm tổ chức xây dựng danh mục dự án:

a) Căn cứ vào danh mục đề xuất dự án, đề xuất đặt hàng dự án của Bộ, ngành và địa phương và các quy định tại Điều 3 của Thông tư này, Ban chủ nhiệm chủ trì tổ chức xây dựng danh mục dự án;

Ban chủ nhiệm tổ chức các nhóm chuyên gia (mỗi nhóm chuyên gia có từ 05 đến 07 thành viên) gồm nhà khoa học, chuyên gia theo lĩnh vực chuyên môn, chuyên gia kinh tế, chuyên gia tài chính. Trong trường hợp cần thiết, Ban chủ nhiệm lấy ý kiến chuyên gia, tổ chức tư vấn độc lập trong nước, nước ngoài (sau đây viết tắt là chuyên gia tư vấn độc lập) để xây dựng danh mục dự án. Ưu tiên lựa chọn các đề xuất đặt hàng dự án của Bộ, ngành và địa phương;

b) Căn cứ vào điều kiện cụ thể của dự án, Ban chủ nhiệm kiến nghị hình thức lựa chọn tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp thực hiện thông qua tuyển chọn hoặc giao trực tiếp;

c) Kết quả làm việc của Ban chủ nhiệm và các nhóm chuyên gia được ghi thành biên bản và bản tổng hợp kết quả làm việc;

d) Ban chủ nhiệm báo cáo Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về kết quả làm việc của nhóm chuyên gia, ý kiến của chuyên gia tư vấn độc lập. Trong trường hợp cần thiết, Ban chủ nhiệm kiến nghị Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ tham khảo ý kiến các Bộ, ngành và địa phương có liên quan về các dự án trong danh mục.

2. Đối với trường hợp danh mục đề xuất dự án, đề xuất đặt hàng dự án có quy mô lớn và tính chất phức tạp, Ban chủ nhiệm trình Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quyết định thành lập hội đồng tư vấn xác định danh mục dự án (sau đây viết tắt là hội đồng tư vấn); thuê chuyên gia tư vấn độc lập (nếu cần thiết).

Hội đồng tư vấn có từ 07 đến 09 thành viên gồm các nhà khoa học, chuyên gia trong lĩnh vực chuyên môn, chuyên gia kinh tế, chuyên gia tài chính, nhà quản lý có uy tín và trình độ chuyên môn phù hợp, có kinh nghiệm thực tiễn trong lĩnh vực liên quan.

Ban chủ nhiệm đề xuất chuyên gia tư vấn độc lập đáp ứng đủ điều kiện năng lực, trình Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét, quyết định.

Trong trường hợp cần thiết, Ban chủ nhiệm kiến nghị Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ tham khảo ý kiến các Bộ, ngành và địa phương có liên quan về các dự án trong danh mục.

Điều 7. Phiên họp của hội đồng tư vấn, báo cáo nghiên cứu của chuyên gia tư vấn độc lập

1. Văn phòng Chương trình quốc gia phát triển công nghệ cao (sau đây viết tắt là Văn phòng Chương trình) gửi tài liệu đến thành viên hội đồng tư vấn ít nhất 05 ngày làm việc trước phiên họp của hội đồng, đến chuyên gia tư vấn độc lập ít nhất 10 ngày làm việc trước thời điểm gửi báo cáo nghiên cứu của chuyên gia tư vấn độc lập. Tài liệu bao gồm:

a) Nội dung của Chương trình;

b) Danh mục đề xuất dự án, đề xuất đặt hàng dự án có quy mô lớn và tính chất phức tạp;

c) Tài liệu khác có liên quan.

2. Phiên họp của hội đồng tư vấn, báo cáo nghiên cứu của chuyên gia tư vấn độc lập tập trung phân tích đối với dự án trong danh mục về những vấn đề sau:

a) Sự phù hợp của dự án so với mục tiêu, nội dung của Chương trình và Chương trình quốc gia phát triển công nghệ cao đến năm 2020;

b) Đáp ứng yêu cầu quy định tại Điều 3 của Thông tư này;

c) Sự phù hợp với định hướng mục tiêu của Chương trình;

d) Sự phù hợp của phương thức lựa chọn tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp thực hiện dự án;

đ) Một số vấn đề liên quan đến dự án bao gồm: mục tiêu, quy mô, địa điểm thực hiện; nội dung, nhiệm vụ chủ yếu; kết quả được tạo ra từ dự án; thị trường, tính khả thi và hiệu quả kinh tế - xã hội; dự kiến tổng kinh phí thực hiện; năng lực tài chính, nguồn, hình thức cung cấp vốn; giải pháp thực hiện; thời gian bắt đầu, thời gian kết thúc; dự kiến đối tượng thụ hưởng, sử dụng kết quả của dự án.

3. Tổ chức phiên họp của hội đồng tư vấn:

a) Phiên họp của hội đồng tư vấn phải có mặt ít nhất 2/3 số thành viên của hội đồng tư vấn, trong đó phải có chủ tịch hoặc phó chủ tịch. Chủ tịch chủ trì phiên họp của hội đồng tư vấn. Trong trường hợp chủ tịch vắng mặt, phó chủ tịch chủ trì phiên họp;

b) Mỗi dự án trong danh mục có ít nhất 02 thành viên làm phản biện. Hội đồng tư vấn thống nhất phương thức làm việc và cử 01 thành viên làm thư ký;

c) Thành viên hội đồng tư vấn thảo luận về các yêu cầu theo quy định tại khoản 2 Điều 7 và nhận xét dự án (Biểu A2-1). Hội đồng tư vấn bầu ban kiểm phiếu gồm 03 thành viên, trong đó có 01 trưởng ban. Kết quả kiểm phiếu được ghi thành biên bản (Biểu A2-2);

d) Dự án được hội đồng tư vấn đề nghị đưa vào danh mục thực hiện phải được ít nhất 2/3 số thành viên hội đồng tư vấn có mặt (đồng thời lớn hơn 1/2 tổng số thành viên hội đồng theo quyết định thành lập) bỏ phiếu đồng ý ;

đ) Hội đồng thảo luận và thông qua kiến nghị về phương thức thực hiện tuyển chọn hoặc giao trực tiếp đối với dự án;

e) Chủ tịch và thư ký hội đồng tư vấn chịu trách nhiệm ký biên bản họp hội đồng (Biểu A2-3), kèm theo danh mục dự án đã được hội đồng tư vấn thông qua.

Điều 8. Phê duyệt danh mục dự án

Trên cơ sở kết quả làm việc với nhóm chuyên gia, kết luận phiên họp của hội đồng tư vấn, báo cáo nghiên cứu của chuyên gia tư vấn độc lập, Ban chủ nhiệm tổng hợp danh mục dự án, trình Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét, phê duyệt danh mục dự án để đưa ra tuyển chọn hoặc giao trực tiếp cho tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp thực hiện.

Điều 9. Tuyển chọn, giao trực tiếp cho tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp

1. Tuyển chọn là việc lựa chọn tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp có năng lực và kinh nghiệm để thực hiện dự án theo đặt hàng của Nhà nước thông qua việc xem xét, đánh giá các hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn. Tuyển chọn được áp dụng đối với dự án có nhiều tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp có khả năng tham gia thực hiện nhằm đạt được hiệu quả cao nhất.

2. Giao trực tiếp là việc chỉ định tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp có năng lực, phẩm chất, điều kiện và chuyên môn phù hợp để thực hiện dự án đặc thù theo đặt hàng của Nhà nước. Giao trực tiếp được áp dụng đối với một trong các trường hợp sau:

a) Dự án liên quan đến bí mật nhà nước, đặc thù của an ninh, quốc phòng;

b) Dự án cấp bách phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an sinh xã hội;

c) Dự án mà nội dung chỉ có một tổ chức hoặc cá nhân có đủ điều kiện về chuyên môn, trang thiết bị để thực hiện;

d) Dự án theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 10. Điều kiện tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp

1. Điều kiện tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp thực hiện dự án được áp dụng theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 08/2012/TT-BKHCN ngày 02 tháng 4 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân chủ trì thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, dự án sản xuất thử nghiệm cấp nhà nước.

2. Văn phòng Chương trình tổ chức kiểm tra và xác nhận các điều kiện tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp của tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp theo quy định.

Điều 11. Hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp

1. Hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp gồm các tài liệu sau:

a) Đơn đăng ký tham gia thực hiện dự án;

b) Thuyết minh dự án theo mẫu của Bộ Khoa học và Công nghệ (Biểu A3-1; Biểu A3-2; Biểu A3-3a, b, c, d, đ, e, g; Biểu A3-4a, b, c, d, đ, e);

c) Tóm tắt hoạt động khoa học và công nghệ của tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp (có xác nhận của các thành viên tham gia);

d) Văn bản xác nhận về sự đồng ý của các tổ chức đăng ký phối hợp thực hiện dự án;

đ) Các văn bản pháp lý cam kết và giải trình khả năng huy động nguồn lực tài chính để thực hiện dự án;

e) Tài liệu bổ sung: kế hoạch kinh doanh, báo cáo nghiên cứu khả thi, báo cáo năng lực quản lý dự án và các tài liệu khác (nếu có).

2. Hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp gồm 01 bộ hồ sơ gốc (có dấu và chữ ký trực tiếp) trình bày và in trên khổ giấy A4, sử dụng phông chữ tiếng Việt của bộ mã ký tự Unicode theo tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 6909:2001, cỡ chữ 14 và 01 bản điện tử của hồ sơ ghi trên đĩa quang (dạng PDF, không đặt mật khẩu) được đóng gói trong túi hồ sơ có niêm phong và bên ngoài ghi rõ như sau:

a) Tên dự án đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp kèm theo mã số của Chương trình;

b) Tên, địa chỉ của tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp và tổ chức tham gia phối hợp thực hiện dự án;

c) Họ tên, đơn vị công tác của chủ nhiệm dự án và danh sách những người tham gia chính thực hiện dự án;

d) Danh mục tài liệu có trong hồ sơ.

3. Hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp được nộp trực tiếp hoặc gửi qua bưu điện về Văn phòng Chương trình, Bộ Khoa học và Công nghệ.

4. Văn phòng Chương trình tổ chức mở hồ sơ, kiểm tra và xác nhận tính hợp lệ của hồ sơ và thông báo cho tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp tham gia.

Điều 12. Xét duyệt hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp

1. Căn cứ vào tính đặc thù của dự án, Ban chủ nhiệm xem xét, trình Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quyết định thành lập hội đồng khoa học và công nghệ tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp (sau đây viết tắt là hội đồng khoa học và công

nghệ); thuê chuyên gia tư vấn độc lập đáp ứng đủ điều kiện năng lực (nếu cần thiết) để xét duyệt hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp thực hiện.

Hội đồng khoa học và công nghệ, chuyên gia tư vấn độc lập có trách nhiệm giữ bí mật về các thông tin liên quan đến quá trình đánh giá tuyển chọn, xét giao trực tiếp.

2. Văn phòng Chương trình gửi tài liệu đến thành viên hội đồng khoa học và công nghệ ít nhất 05 ngày làm việc trước phiên họp của hội đồng, đến chuyên gia tư vấn độc lập ít nhất 10 ngày làm việc trước thời điểm gửi báo cáo nghiên cứu của chuyên gia tư vấn độc lập. Tài liệu bao gồm:

a) Quyết định thành lập hội đồng khoa học và công nghệ và danh sách kèm theo, Quyết định lựa chọn chuyên gia tư vấn độc lập;

b) Trích lục danh mục dự án đã được phê duyệt;

c) Bản sao hồ sơ gốc hoặc bản điện tử của hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn hoặc giao trực tiếp;

d) Tài liệu liên quan khác.

3. Hồ sơ tuyển chọn, xét giao trực tiếp được hội đồng khoa học và công nghệ, chuyên gia tư vấn độc lập đánh giá theo các nội dung sau:

a) Đánh giá tổng quan chung dự án;

b) Tính cấp thiết, tính khả thi của dự án;

c) Mục tiêu, nội dung của dự án phù hợp với yêu cầu;

d) Giải pháp triển khai dự án;

đ) Kết quả của dự án;

e) Hiệu quả của dự án;

g) Năng lực thực hiện dự án.

4. Ban chủ nhiệm tổ chức các phiên họp hội đồng khoa học và công nghệ có từ 07 đến 09 thành viên, gồm chủ tịch, phó chủ tịch, 02 ủy viên phản biện và các ủy viên. Thành viên của hội đồng khoa học và công nghệ bao gồm các nhà khoa học, chuyên gia chuyên môn, chuyên gia kinh tế, chuyên gia tài chính, nhà quản lý có uy tín và trình độ chuyên môn phù hợp, có kinh nghiệm thực tiễn trong lĩnh vực liên quan. Tùy theo quy mô, tính chất phức tạp, nguồn vốn thực hiện dự án, đại diện của Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ, ngành và địa phương có liên quan tham dự phiên họp của hội đồng khoa học và công nghệ. Mỗi hội đồng khoa học và công nghệ có thể tư vấn cho 01 hoặc một số dự án (trong trường hợp các dự án cùng lĩnh vực) và làm việc theo quy định tại Điều 13 và Điều 14 của Thông tư này.

Điều 13. Nguyên tắc làm việc của hội đồng khoa học và công nghệ

1. Phiên họp của hội đồng khoa học và công nghệ phải có mặt ít nhất 2/3 số thành viên hội đồng khoa học và công nghệ, trong đó có chủ tịch hoặc phó chủ tịch, 02 ủy viên phản biện.

2. Chủ tịch chủ trì các phiên họp; cử 01 thành viên làm thư ký hội đồng. Trong trường hợp chủ tịch vắng mặt, phó chủ tịch chủ trì phiên họp.

3. Thành viên hội đồng khoa học và công nghệ đánh giá trung thực, khách quan và công bằng; chịu trách nhiệm cá nhân về kết quả đánh giá của mình và trách nhiệm tập thể về kết luận chung của hội đồng khoa học và công nghệ.

Điều 14. Nội dung làm việc của hội đồng khoa học và công nghệ

1. Hội đồng khoa học và công nghệ thảo luận, đánh giá từng hồ sơ theo các nội dung quy định (Biểu A4-1).

2. Hội đồng khoa học và công nghệ bầu ban kiểm phiếu gồm 03 thành viên, trong đó có 01 trưởng ban. Hội đồng khoa học và công nghệ bỏ phiếu đánh giá từng hồ sơ.

3. Hội đồng khoa học và công nghệ thông qua kết quả bỏ phiếu (Biểu A4-2), kiến nghị tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp trúng tuyển hoặc được giao trực tiếp chủ trì dự án bổ sung, sửa đổi (nếu cần) trong thuyết minh dự án, các sản phẩm của dự án và kiến nghị về kinh phí cho việc thực hiện dự án.

4. Chủ tịch và thư ký hội đồng khoa học và công nghệ chịu trách nhiệm ký biên bản họp hội đồng (Biểu A4-3).

Điều 15. Phê duyệt kết quả

1. Trên cơ sở kết luận của hội đồng khoa học và công nghệ, báo cáo nghiên cứu của chuyên gia tư vấn độc lập, Ban chủ nhiệm nghiên cứu, trình Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét, quyết định tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp thực hiện dự án.

Trong trường hợp cần thiết, Ban chủ nhiệm tổ chức đi kiểm tra thực tế cơ sở vật chất - kỹ thuật, nhân lực và năng lực tài chính của tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp được kiến nghị chủ trì thực hiện dự án.

Đối với hồ sơ có kết quả đánh giá chưa thống nhất, Ban chủ nhiệm báo cáo Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét, quyết định về việc đề nghị hội đồng khoa học và công nghệ xem xét lại hoặc tổ chức hội đồng khoa học và công nghệ mới để tư vấn đánh giá, thuê chuyên gia tư vấn độc lập.

2. Tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp chủ trì thực hiện dự án có trách nhiệm chỉnh sửa, hoàn thiện hồ sơ theo kết luận của hội đồng khoa học và công nghệ và gửi Văn phòng Chương trình trong vòng 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo

kết quả tuyển chọn hoặc giao trực tiếp để tiến hành thẩm định nội dung và kinh phí, làm căn cứ bố trí kế hoạch thực hiện.

Điều 16. Lưu giữ hồ sơ gốc

Trong thời hạn 01 năm kể từ ngày Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ký quyết định phê duyệt tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp chủ trì thực hiện dự án, Ban chủ nhiệm có trách nhiệm nộp bộ hồ sơ gốc (kể cả các hồ sơ không trúng tuyển) để lưu tại Bộ Khoa học và Công nghệ.

Điều 17. Căn cứ và hồ sơ thẩm định dự án

1. Căn cứ để thẩm định:

a) Quyết định của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt danh mục dự án để tuyển chọn, giao trực tiếp;

b) Biên bản cuộc họp của hội đồng khoa học và công nghệ, báo cáo nghiên cứu của chuyên gia tư vấn độc lập;

c) Quyết định của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp thực hiện dự án;

d) Các văn bản quy định chế độ, định mức xây dựng dự toán, định mức chi hiện hành của Nhà nước, định mức kinh tế - kỹ thuật (nếu có) và các văn bản khác có liên quan.

2. Hồ sơ thẩm định:

a) Các quyết định và văn bản nêu tại điểm a, b, c của khoản 1 Điều này;

b) Thuyết minh dự án đã được chỉnh sửa hoàn thiện và văn bản giải trình của tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp trúng tuyển đã được Ban chủ nhiệm xác nhận;

c) Báo giá nguyên vật liệu, máy móc, thiết bị để xây dựng dự toán kinh phí của dự án (trong thời gian 30 ngày tính đến thời điểm nộp hồ sơ).

Điều 18. Thẩm định nội dung, kinh phí và ký kết hợp đồng

1. Ban chủ nhiệm trình Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quyết định thành lập tổ thẩm định để thẩm định dự án; thuê chuyên gia tư vấn độc lập (nếu cần thiết).

2. Tổ thẩm định có ít nhất 05-07 thành viên, gồm: tổ trưởng là đại diện Ban chủ nhiệm, một số tổ phó và thành viên là chuyên gia trong lĩnh vực công nghệ có liên quan, chuyên gia kinh tế, chuyên gia tài chính, doanh nghiệp, nhà quản lý có trình độ chuyên môn phù hợp, có kinh nghiệm thực tiễn trong lĩnh vực liên quan. Tùy theo quy mô, tính chất phức tạp, nguồn vốn thực hiện dự án, đại diện Bộ Tài chính, đại diện Bộ, ngành và địa phương có liên quan, đại diện các Vụ chức năng quản lý tài chính, quản lý chuyên ngành của Bộ Khoa học và Công nghệ tham dự phiên họp thẩm định.

3. Ban chủ nhiệm đề xuất chuyên gia tư vấn độc lập đáp ứng đủ điều kiện năng lực thẩm định dự án, trình Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét, quyết định.

4. Văn phòng Chương trình gửi tài liệu đến thành viên tổ thẩm định ít nhất 05 ngày làm việc trước phiên họp của tổ thẩm định, đến chuyên gia tư vấn độc lập ít nhất 10 ngày làm việc trước thời điểm gửi báo cáo nghiên cứu của chuyên gia tư vấn độc lập. Tài liệu bao gồm:

a) Quyết định của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc thành lập tổ thẩm định, Quyết định lựa chọn chuyên gia tư vấn độc lập;

b) Phiếu nhận xét đối với dự án (Biểu A5-1);

c) Hồ sơ để thẩm định.

5. Thẩm định nội dung của các dự án được thực hiện trên cơ sở rà soát các nội dung quy định tại Thông tư này, Thông tư số 02/2012/TT-BKHCN ngày 18 tháng 01 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc hướng dẫn quản lý Chương trình quốc gia phát triển công nghệ cao đến năm 2020 và các văn bản khác có liên quan.

Thẩm định tài chính của các dự án được thực hiện trên cơ sở rà soát các nội dung quy định tại Thông tư liên tịch số 219/2012/TTLT-BTC-BKHCN ngày 20 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định quản lý tài chính thực hiện Chương trình quốc gia phát triển công nghệ cao đến năm 2020 và các văn bản khác có liên quan.

6. Phiên họp tổ thẩm định phải có mặt ít nhất 2/3 số thành viên tổ thẩm định, trong đó có tổ trưởng và 01 tổ phó. Các thành viên tổ thẩm định và khách mời có trách nhiệm giữ bí mật về các thông tin liên quan đến quá trình thẩm định.

7. Căn cứ kết quả làm việc của tổ thẩm định (Biểu A5-2), báo cáo nghiên cứu của chuyên gia tư vấn độc lập, Ban chủ nhiệm trình Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét, quyết định phê duyệt dự án.

8. Quyết định phê duyệt dự án là căn cứ pháp lý cho việc ký kết hợp đồng giao chủ trì thực hiện dự án. Ban chủ nhiệm, Văn phòng Chương trình tổ chức ký hợp đồng và có tránh nhiệm thực hiện hợp đồng theo quy định.

Điều 19. Khiếu nại, tố cáo

1. Tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp có quyền khiếu nại, khởi kiện đối với các quyết định hành chính và hành vi hành chính của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền liên quan đến việc tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp thực hiện dự án.

2. Công dân có quyền tố cáo hành vi vi phạm pháp luật về tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp thực hiện dự án.

3. Việc khiếu nại, tố cáo và giải quyết khiếu nại, tố cáo được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 20. Tổ chức thực hiện

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 45 ngày, kể từ ngày ký ban hành.

2. Trong quá trình thực hiện nếu phát sinh vướng mắc, đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Khoa học và Công nghệ để nghiên cứu, sửa đổi bổ sung./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Chu Ngọc Anh

Phụ lục

CÁC BIỂU MẪU SỬ DỤNG TRONG VIỆC XÁC ĐỊNH DỰ ÁN, TUYỂN CHỌN, GIAO TRỰC TIẾP TỔ CHỨC, CÁ NHÂN, DOANH NGHIỆP THỰC HIỆN DỰ ÁN THUỘC CHƯƠNG TRÌNH NGHIÊN CỨU, ĐÀO TẠO VÀ XÂY DỰNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ CAO

(Ban hành kèm theo Thông tư số 31/2012/TT-BKHCN ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

1. Phiếu đề xuất dự án, đề xuất đặt hàng dự án:

Biểu A1-1

31/2012/TT-BKHCN

2. Tổng hợp danh mục đề xuất dự án, đề xuất đặt hàng dự án:

Biểu A1-2

31/2012/TT-BKHCN

3. Phiếu nhận xét của thành viên hội đồng tư vấn:

Biểu A2-1

31/2012/TT-BKHCN

4. Biên bản kiểm phiếu đánh giá dự án:

Biểu A2-2

31/2012/TT-BKHCN

5. Biên bản họp hội đồng tư vấn xác định danh mục dự án:

Biểu A2-3

31/2012/TT-BKHCN

6. Thuyết minh dự án phát triển công nghệ cao:

Biểu A3-1

31/2012/TT-BKHCN

7. Thuyết minh dự án ứng dụng công nghệ cao:

Biểu A3-2

31/2012/TT-BKHCN

8. Thuyết minh dự án xây dựng và phát triển hạ tầng kỹ thuật công nghệ cao (Dự án xây dựng và phát triển cơ sở nghiên cứu công nghệ cao:

Biểu A3-3a

31/2012/TT-BKHCN

9. Thuyết minh dự án xây dựng và phát triển hạ tầng kỹ thuật công nghệ cao (Dự án xây dựng và phát triển cơ sở ươm tạo công nghệ cao, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao):

Biểu A3-3b

31/2012/TT-BKHCN

10. Thuyết minh dự án xây dựng và phát triển hạ tầng kỹ thuật công nghệ cao (Dự án xây dựng và nâng cấp phòng thí nghiệm công nghệ cao):

Biểu A3-3c

31/2012/TT-BKHCN

11. Thuyết minh dự án xây dựng và phát triển hạ tầng kỹ thuật công nghệ cao (Dự án xây dựng cơ sở hỗ trợ cho phát triển sản phẩm công nghệ cao):

Biểu A3-3d

31/2012/TT-BKHCN

12. Thuyết minh dự án xây dựng và phát triển hạ tầng kỹ thuật công nghệ cao (Dự án xây dựng trung tâm chuyển giao công nghệ):

Biểu A3-3đ

31/2012/TT-BKHCN

13. Thuyết minh dự án xây dựng và phát triển hạ tầng kỹ thuật công nghệ cao (Dự án xây dựng và nâng cấp tạp chí chuyên ngành):

Biểu A3-3e

31/2012/TT-BKHCN

14. Thuyết minh dự án xây dựng và phát triển hạ tầng kỹ thuật công nghệ cao (Dự án xây dựng hệ thống thông tin về ứng dụng, sản xuất, cung ứng dịch vụ công nghệ cao):

Biểu A3-3g

31/2012/TT-BKHCN

15. Thuyết minh dự án phát triển nhân lực công nghệ cao (Dự án bồi dưỡng nghiệp vụ và nâng cao trình độ cho lãnh đạo chủ chốt của dự án sản xuất sản phẩm công nghệ cao):

Biểu A3-4a

31/2012/TT-BKHCN

16. Thuyết minh dự án phát triển nhân lực công nghệ cao (Dự án bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn cho cán bộ nghiên cứu của dự án sản xuất sản phẩm công nghệ cao):

Biểu A3-4b

31/2012/TT-BKHCN

17. Thuyết minh dự án phát triển nhân lực công nghệ cao (Dự án hỗ trợ sinh viên thực hiện nghiên cứu và thực tập tại các tổ chức hoạt động về lĩnh vực công nghệ cao):

Biểu A3-4c

31/2012/TT-BKHCN

18. Thuyết minh dự án phát triển nhân lực công nghệ cao (Dự án hỗ trợ sinh viên, nghiên cứu sinh Việt Nam đang học tập, nghiên cứu ở nước ngoài tham gia hợp tác thực hiện nhiệm vụ công nghệ cao):

Biểu A3-4d

31/2012/TT-BKHCN

19. Thuyết minh dự án phát triển nhân lực công nghệ cao (Dự án huy động chuyên gia tình nguyện nước ngoài, chuyên gia là người Việt Nam ở nước ngoài tham gia hoạt động công nghệ cao tại cơ sở công nghệ cao của Việt Nam):

Biểu A3-4đ

31/2012/TT-BKHCN

20. Thuyết minh dự án phát triển nhân lực công nghệ cao (Dự án phát triển cơ sở đào tạo nhân lực công nghệ cao đạt trình độ quốc tế):

Biểu A3-4e

31/2012/TT-BKHCN

21. Phiếu đánh giá hồ sơ đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp chủ trì dự án:

Biểu A4-1

31/2012/TT-BKHCN

22. Biên bản kiểm phiếu đánh giá hồ sơ đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp chủ trì dự án:

Biểu A4-2

31/2012/TT-BKHCN

23. Biên bản họp hội đồng khoa học và công nghệ đánh giá hồ sơ đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp chủ trì dự án:

Biểu A4-3

31/2012/TT-BKHCN

24. Phiếu nhận xét, thẩm định dự án:

Biểu A5-1

31/2012/TT-BKHCN

25. Biên bản họp thẩm định dự án:

Biểu A5-12

31/2012/TT-BKHCN

Biểu A1-1
31/2012/TT-BKHCN

PHIẾU ĐỀ XUẤT DỰ ÁN, ĐỀ XUẤT ĐẶT HÀNG DỰ ÁN THỰC HIỆN NĂM 20...

1. Tên dự án.

2. Phân loại dự án thuộc Chương trình: dự án phát triển công nghệ cao, dự án ứng dụng công nghệ cao, dự án xây dựng và phát triển hạ tầng kỹ thuật công nghệ cao, dự án phát triển nhân lực công nghệ cao.

3. Thông tin của tổ chức đề xuất dự án, đề xuất đặt hàng dự án: tên, địa chỉ, số điện thoại, số fax, email, trang web của tổ chức, doanh nghiệp (nếu có),...

4. Lý do đề xuất dự án, đề xuất đặt hàng dự án.

4.1. Nêu rõ sự phù hợp của dự án theo từng điểm, khoản được quy định tại Điều 2, Điều 3 của Thông tư Hướng dẫn xác định dự án, tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp thực hiện dự án thuộc Chương trình nghiên cứu, đào tạo và xây dựng hạ tầng kỹ thuật công nghệ cao.

4.2. Phân tích một số nội dung liên quan đến thị trường, yêu cầu đối với dự án.

- Đối với dự án phát triển công nghệ cao, dự án ứng dụng công nghệ cao: phân tích thị trường thế giới, thị trường trong nước, dự kiến thị phần của sản phẩm.

- Đối với dự án phát triển hạ tầng kỹ thuật công nghệ cao, dự án phát triển nguồn nhân lực công nghệ cao: phân tích về nhu cầu, yêu cầu và sự cần thiết phải có dự án.

5. Mục tiêu của dự án: Nêu rõ mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể của dự án, trong đó mục tiêu cụ thể được định lượng và có các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật cần đạt được.

6. Nội dung và các hoạt động chủ yếu của dự án: Nêu rõ các nhiệm vụ để đạt được từng mục tiêu cụ thể và các hoạt động để đạt được từng nhiệm vụ. Nếu trong dự án có các đề tài nghiên cứu và sản xuất thử nghiệm thì nêu rõ từng đề tài nghiên cứu và từng dự án sản xuất thử nghiệm.

7. Kết quả dự kiến của dự án

- Đối với dự án phát triển công nghệ cao, dự án ứng dụng công nghệ cao: làm rõ tính mới, tính tiên tiến của sản phẩm, quy mô sản xuất, doanh số, chất lượng, tính năng kỹ thuật, khả năng cạnh tranh, giá trị gia tăng của sản phẩm, dự kiến kế hoạch sản xuất kinh doanh của sản phẩm, thời điểm hòa vốn đầu tư, địa chỉ và phạm vi áp dụng kết quả của dự án. So sánh tính năng kỹ thuật, giá bán (dự kiến) của sản phẩm so với sản phẩm cùng loại trên thế giới, khu vực, trong nước.

- Đối với dự án xây dựng và phát triển hạ tầng kỹ thuật công nghệ cao, dự án phát triển nhân lực công nghệ cao: làm rõ quy mô, chất lượng, trình độ của kết quả từ dự án.

8. Dự kiến tổng kinh phí thực hiện dự án; nguồn và các hình thức cung cấp vốn thực hiện dự án. Trong đó, nêu rõ yêu cầu vốn hỗ trợ và vốn đối ứng.

9. Năng lực của tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp tham gia thực hiện dự án: Nguồn nhân lực, cơ sở vật chất - kỹ thuật, năng lực về tài chính, năng lực khoa học và công nghệ, năng lực thu thập và xử lý thông tin, năng lực hợp tác trong và ngoài nước; năng lực quản lý, năng lực quản lý tài chính, một số kết quả nổi bật đã đạt được.

10. Phân tích tính khả thi của dự án, điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội, nguy cơ và rủi ro của dự án.

11. Dự kiến hiệu quả dự án: nêu rõ mức độ đóng góp, tác động dẫn đầu, lan tỏa đối với sự phát triển ngành, lĩnh vực, khu vực, địa phương; hiệu quả kinh tế - xã hội; mức độ đóng góp cho phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ.

..., ngày... tháng... năm 20...
THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN

Biểu A1-2
31/2012/TT-BKHCN

Bộ, ngành và địa phương:

**TỔNG HỢP DANH MỤC ĐỀ XUẤT DỰ ÁN,
ĐỀ XUẤT ĐẶT HÀNG DỰ ÁN
THỰC HIỆN NĂM 20...**

A. Danh mục đề xuất dự án của tổ chức, doanh nghiệp thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ, ngành và địa phương

TT	Tên dự án	Mục tiêu	Kết quả dự kiến	Dự kiến tổng kinh phí và vốn đề xuất hỗ trợ	Ý kiến của Bộ, ngành, địa phương

B. Danh mục đề xuất đặt hàng dự án của Bộ, ngành, địa phương

TT	Tên dự án	Mục tiêu	Kết quả dự kiến	Dự kiến tổng kinh phí và vốn đề xuất hỗ trợ	Lý do đề xuất đặt hàng

..., ngày... tháng... năm 20...
THỦ TRƯỞNG BỘ, NGÀNH VÀ ĐỊA PHƯƠNG

Ghi chú: *Kèm theo Bản tổng hợp này là Phiếu đề xuất dự án, đặt hàng dự án tại Biểu A1-1.*

Biểu A2-1
31/2012/TT-BKHCN

HỘI ĐỒNG TƯ VẤN XÁC ĐỊNH DANH MỤC DỰ ÁN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
	..., ngày... tháng... năm 20...

PHIẾU NHẬN XÉT CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TƯ VẤN

1. Tên dự án:

2. Họ tên thành viên hội đồng tư vấn: theo Quyết định số.../QĐ-BKHCN ngày.../.../20... của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.

3. Đánh giá dự án theo các nội dung sau:

a) Mục tiêu, quy mô và địa điểm thực hiện.

b) Lý do đề xuất dự án, đề xuất đặt hàng dự án: sự phù hợp của dự án theo từng điểm, khoản được quy định tại Điều 2, Điều 3 của Thông tư Hướng dẫn xác định dự án, tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp thực hiện dự án thuộc Chương trình nghiên cứu, đào tạo và xây dựng hạ tầng kỹ thuật công nghệ cao; nội dung liên quan đến thị trường, yêu cầu đối với dự án.

c) Mục tiêu của dự án: mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể của dự án, trong đó mục tiêu cụ thể được định lượng và có các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật cần đạt được.

d) Nội dung và các hoạt động chủ yếu của dự án: Phân tích các nhiệm vụ để đạt được từng mục tiêu cụ thể và các hoạt động để đạt được từng nhiệm vụ. Nếu trong dự án có các đề tài nghiên cứu và sản xuất thử nghiệm thì phân tích từng đề tài nghiên cứu và từng dự án sản xuất thử nghiệm.

đ) Kết quả dự kiến của dự án

- Đối với dự án phát triển công nghệ cao, dự án ứng dụng công nghệ cao: đánh giá tính mới, tính tiên tiến của sản phẩm, quy mô sản xuất, doanh số, chất lượng, tính năng kỹ thuật, khả năng cạnh tranh, giá trị gia tăng của sản phẩm, dự kiến kế hoạch sản xuất kinh doanh của sản phẩm, thời điểm hòa vốn đầu tư, địa chỉ và phạm vi áp dụng kết quả của dự án. So sánh tính năng kỹ thuật, giá bán (dự kiến) của sản phẩm so với sản phẩm cùng loại trên thế giới, khu vực, trong nước.

- Đối với dự án xây dựng và phát triển hạ tầng kỹ thuật công nghệ cao, dự án phát triển nhân lực công nghệ cao: đánh giá quy mô, chất lượng, trình độ của kết quả từ dự án.

e) Tổng kinh phí thực hiện dự án; nguồn và các hình thức cung cấp vốn thực hiện dự án, bao gồm vốn hỗ trợ và vốn đối ứng.

g) Năng lực của tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp tham gia thực hiện dự án về nguồn nhân lực, cơ sở vật chất - kỹ thuật, năng lực về tài chính, năng lực khoa học và công nghệ, năng lực thu thập và xử lý thông tin, năng lực hợp tác trong và ngoài nước; năng lực quản lý, năng lực quản lý tài chính, một số kết quả nổi bật đã đạt được.

h) Phân tích tính khả thi, điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội, nguy cơ và rủi ro của dự án.

i) Dự kiến hiệu quả dự án: mức độ đóng góp, tác động dẫn đầu, lan tỏa đối với sự phát triển ngành, lĩnh vực, khu vực, địa phương; hiệu quả kinh tế - xã hội; mức độ đóng góp cho phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ.

k) Một số ý kiến khác.

4. Kết luận:

☐ Đồng ý

☐ Không đồng ý

5. Đề xuất và kiến nghị.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TƯ VẤN

(Họ, tên và chữ ký)

Biểu A2-2
31/2012/TT-BKHCN

HỘI ĐỒNG TƯ VẤN
XÁC ĐỊNH DANH MỤC DỰ ÁN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày... tháng... năm 20...

BIÊN BẢN KIỂM PHIẾU ĐÁNH GIÁ DỰ ÁN

Quyết định thành lập Hội đồng:...../QĐ-BKHCN ngày... /.../20… của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.

1. Số phiếu phát ra: 2. Số phiếu thu về:

Kết quả bỏ phiếu:

TT	Tên dự án	Kết quả đánh giá của thành viên hội đồng tư vấn									Số phiếu đồng ý	Ghi chú
		Thành viên 1	Thành viên 2	Thành viên 3	Thành viên 4	Thành viên 5	Thành viên 6	Thành viên 7	Thành viên 8	Thành viên 9		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13

BAN KIỂM PHIẾU

Trưởng Ban
(Họ, tên và chữ ký)

Thành viên thứ nhất
(Họ, tên và chữ ký)

Thành viên thứ hai
(Họ, tên và chữ ký)

***Ghi chú**: Nếu đồng ý đánh dấu "*x*".*

Biểu A2-3
31/2012/TT-BKHCN

HỘI ĐỒNG TƯ VẤN XÁC ĐỊNH DANH MỤC DỰ ÁN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
	..., ngày... tháng... năm 20...

BIÊN BẢN HỌP
HỘI ĐỒNG TƯ VẤN XÁC ĐỊNH DANH MỤC DỰ ÁN

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Quyết định thành lập hội đồng tư vấn

Quyết định số.../QĐ-BKHCN ngày.../.../20... của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.

2. Địa điểm và thời gian họp hội đồng:

....., ngày.../.../20...

- Số thành viên hội đồng tư vấn có mặt trên tổng số thành viên:.../...

- Vắng mặt:... người, gồm các thành viên:

- Khách mời tham dự họp hội đồng tư vấn:

B. NỘI DUNG LÀM VIỆC CỦA HỘI ĐỒNG TƯ VẤN

1. Công bố quyết định thành lập hội đồng tư vấn.

2. Hội đồng tư vấn thống nhất phương thức làm việc và bầu ông/bà... làm thư ký hội đồng.

3. Các thành viên phản biện trình bày ý kiến về dự án được phân công.

4. Hội đồng tư vấn thảo luận và cho ý kiến về các nội dung sau:

a) Mục tiêu, quy mô và địa điểm thực hiện.

b) Lý do đề xuất dự án, đề xuất đặt hàng dự án: sự phù hợp của dự án theo từng điểm, khoản được quy định tại Điều 2, Điều 3 của Thông tư Hướng dẫn xác định dự án, tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp thực hiện dự án thuộc Chương trình nghiên cứu, đào tạo và xây dựng hạ tầng kỹ thuật công nghệ cao; nội dung liên quan đến thị trường, yêu cầu đối với dự án.

c) Mục tiêu của dự án: mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể của dự án, trong đó mục tiêu cụ thể được định lượng và có các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật cần đạt được.

d) Nội dung và các hoạt động chủ yếu của dự án: Các nhiệm vụ để đạt được từng mục tiêu cụ thể và các hoạt động để đạt được từng nhiệm vụ. Nếu trong dự án

có các đề tài nghiên cứu và sản xuất thử nghiệm thì phân tích từng đề tài nghiên cứu và từng dự án sản xuất thử nghiệm.

đ) Kết quả dự kiến của dự án

- Đối với dự án phát triển công nghệ cao, dự án ứng dụng công nghệ cao: đánh giá tính mới, tính tiên tiến của sản phẩm, quy mô sản xuất, doanh số, chất lượng, tính năng kỹ thuật, khả năng cạnh tranh, giá trị gia tăng của sản phẩm, dự kiến kế hoạch sản xuất kinh doanh của sản phẩm, thời điểm hòa vốn đầu tư, địa chỉ và phạm vi áp dụng kết quả của dự án. So sánh tính năng kỹ thuật, giá bán (dự kiến) của sản phẩm so với sản phẩm cùng loại trên thế giới, khu vực, trong nước.

- Đối với dự án xây dựng và phát triển hạ tầng kỹ thuật công nghệ cao, dự án phát triển nhân lực công nghệ cao: đánh giá quy mô, chất lượng, trình độ của kết quả từ dự án.

e) Tổng kinh phí thực hiện dự án; nguồn và các hình thức cung cấp vốn thực hiện dự án, bao gồm vốn hỗ trợ và vốn đối ứng.

g) Năng lực của tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp tham gia thực hiện dự án về nguồn nhân lực, cơ sở vật chất - kỹ thuật, năng lực về tài chính, năng lực khoa học và công nghệ, năng lực thu thập và xử lý thông tin, năng lực hợp tác trong và ngoài nước; năng lực quản lý, năng lực quản lý tài chính, một số kết quả nổi bật đã đạt được.

h) Phân tích tính khả thi, điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội, nguy cơ và rủi ro của dự án.

i) Dự kiến hiệu quả dự án: mức độ đóng góp, tác động dẫn đầu, lan tỏa đối với sự phát triển ngành, lĩnh vực, khu vực, địa phương; hiệu quả kinh tế - xã hội; mức độ đóng góp cho phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ.

k) Một số ý kiến khác.

5. Hội đồng bầu Ban kiểm phiếu:

Trưởng Ban:

Ủy viên 1:

Ủy viên 2:

6. Hội đồng tư vấn đánh giá dự án.

7. Hội đồng tư vấn thảo luận để hoàn thiện những yêu cầu đối với từng dự án theo danh mục đã được hội đồng tư vấn thông qua. Hội đồng tư vấn kiến nghị về phương thức thực hiện tuyển chọn hoặc giao trực tiếp đối với từng dự án.

8. Hội đồng tư vấn thông qua Biên bản làm việc có kèm theo tổng hợp kết quả làm việc.

Thư ký	**Chủ tịch**
(Họ, tên và chữ ký)	*(Họ, tên và chữ ký)*

Biểu A3-1
31/2012/TT-BKHCN

THUYẾT MINH DỰ ÁN PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ CAO

I. THÔNG TIN CHUNG			
1	**Tên dự án**	**2**	**Mã số** *(được cấp khi hồ sơ trúng tuyển)*
3	**Thời gian, địa điểm thực hiện dự án**		
4	**Kinh phí**		
	Tổng kinh phí đầu tư: triệu đồng *Các giai đoạn đầu tư:* • *Giai đoạn 1: triệu đồng* • *Giai đoạn 2: triệu đồng* • ... *Xuất xứ nguồn vốn:* • *Từ ngân sách nhà nước: triệu đồng* • *Từ vốn tự có của đơn vị: triệu đồng* • *Từ các nguồn vốn khác: triệu đồng (hoặc USD)* **Tỷ giá đồng/USD** (tại thời điểm đề xuất thuyết minh dự án hoặc thực hiện dự án) **Hình thức đầu tư:**		
5	**Loại hình nghiên cứu trong dự án**		
	☐ Nghiên cứu thích nghi, làm chủ, phát triển công nghệ nhập khẩu ☐ Nghiên cứu ứng dụng công nghệ cao ☐ Nghiên cứu, làm chủ, phát triển công nghệ nhập khẩu ☐ Nghiên cứu công nghệ được chuyển giao ☐ Nghiên cứu giải mã công nghệ, bí quyết công nghệ ☐ Nghiên cứu tạo ra công nghệ cao ☐ Tạo ra, hoàn thiện, thương mại hóa công nghệ cao ☐ Hình thành và phát triển doanh nghiệp công nghệ cao ☐ Khác:...		

6 Lĩnh vực

☐ Công nghệ thông tin
☐ Vật liệu mới
☐ Tự động hóa
☐ Công nghệ sinh học
☐ Tập hợp hoặc tích hợp các công nghệ nêu trên (nêu rõ)

7 Tổ chức chủ trì dự án

Tên tổ chức:
Điện thoại: Fax:
E-mail:
Website:
Địa chỉ:
Họ và tên thủ trưởng tổ chức:
Số tài khoản:
Kho bạc nhà nước, Ngân hàng:

8 Chủ nhiệm dự án

Họ và tên:
Ngày, tháng, năm sinh:
Học hàm, học vị:
Trình độ chuyên môn:
Điện thoại: Fax:
E-mail:
Địa chỉ nhà riêng:

9 Các tổ chức phối hợp thực hiện dự án

TT	Tên tổ chức	Địa chỉ	Cơ quan chủ quản
1			
2			
...			

10 Các cán bộ thực hiện dự án *(gửi kèm tóm tắt hoạt động khoa học và công nghệ)*

TT	Họ và tên, học hàm, học vị	Nơi công tác	Nội dung, công việc chính tham gia dự án	Thời gian tham gia dự án
1				
2				
...				

11	**Luận cứ xây dựng dự án**
	11.1. Nêu rõ sự phù hợp của dự án theo từng điểm, khoản được quy định tại Điều 2, Điều 3 của Thông tư hướng dẫn xác định dự án, tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp thực hiện dự án thuộc Chương trình nghiên cứu, đào tạo và xây dựng hạ tầng kỹ thuật công nghệ cao. *11.2. Hiện trạng và tính cấp thiết của dự án.* *- Tình hình nghiên cứu và phát triển công nghệ cao, sản phẩm công nghệ cao trên thế giới liên quan đến dự án; hiện trạng trong nước về nghiên cứu và phát triển công nghệ cao, sản phẩm công nghệ cao có liên quan đến dự án.* *- Phân tích một số nội dung liên quan đến thị trường, yêu cầu đối với dự án: thị trường thế giới, thị trường trong nước, dự kiến thị phần của sản phẩm.* *11.3. Tác động của dự án: Phân tích rõ kết quả cụ thể của dự án đối với một hoặc một số nội dung sau: Bảo đảm cho việc tạo ra công nghệ cao đạt trình độ tiên tiến trong khu vực; sản xuất sản phẩm, cung ứng dịch vụ công nghệ cao đạt trình độ quốc tế; có ý nghĩa quyết định đến việc tạo ra sản phẩm chủ lực của các ngành kinh tế; tạo ra dịch vụ công nghệ cao công ích, hình thành doanh nghiệp khoa học và công nghệ trên cơ sở kết quả nghiên cứu khoa học; hình thành tập thể nghiên cứu khoa học mạnh; hợp tác với tổ chức, cá nhân nước ngoài để nghiên cứu giải quyết vấn đề thực tiễn có tác động quan trọng cho phát triển kinh tế - xã hội.*
12	**Tính khả thi của dự án**
	12.1. Giải trình cụ thể về công nghệ trong dự án. *- Giải trình công nghệ của dự án: thế hệ công nghệ, tính mới, tính tiên tiến và trình độ của công nghệ được nghiên cứu ứng dụng, làm chủ hoặc tạo ra (so sánh với khu vực và thế giới).* *- Phân tích những vấn đề công nghệ cần giải quyết trong dự án: nêu rõ các vấn đề chủ yếu cần nghiên cứu đối với từng loại hình: nghiên cứu thích nghi, làm chủ, phát triển công nghệ nhập khẩu; ứng dụng công nghệ cao; làm chủ, phát triển công nghệ nhập khẩu; nghiên cứu công nghệ được chuyển giao; giải mã công nghệ, bí quyết công nghệ; tạo ra công nghệ cao; tạo ra, hoàn thiện, thương mại hóa công nghệ cao,...*

12.2. Kết quả dự kiến của dự án.

Làm rõ tính mới, tính tiên tiến của sản phẩm, quy mô sản xuất, doanh số, chất lượng, tính năng kỹ thuật, khả năng cạnh tranh, giá trị gia tăng của sản phẩm, dự kiến kế hoạch sản xuất kinh doanh của sản phẩm, thời điểm hòa vốn đầu tư, địa chỉ và phạm vi áp dụng kết quả của dự án. So sánh tính năng kỹ thuật, giá bán (dự kiến) của sản phẩm so với sản phẩm cùng loại trên thế giới, khu vực, trong nước.

12.3. Giải trình chi tiết về năng lực thực hiện dự án.

- Giải trình chi tiết nguồn nhân lực, số lượng, trình độ cán bộ trực tiếp tham gia nghiên cứu và phát triển.

- Giải trình năng lực nghiên cứu liên quan đến dự án được thể hiện thông qua: số lượng bài báo đăng trên tạp chí chuyên ngành trong và ngoài nước (số lượng bài báo trong nhóm ISI - Institute for Scientific Information); số lượng đề tài, dự án trong lĩnh vực có liên quan từ cấp Bộ trở lên đã được nghiệm thu; số lượng sáng chế, giải pháp hữu ích đã được cấp bằng hoặc chấp nhận đơn; số lượng công nghệ cốt lõi trong lĩnh vực chuyên ngành đã làm chủ; số lượng công nghệ, sản phẩm đã chuyển giao hoặc đưa vào sản xuất.

- Giải trình năng lực về tài chính (báo cáo tài chính 3 năm gần nhất), năng lực thu thập và xử lý thông tin, năng lực hợp tác trong và ngoài nước; năng lực quản lý, năng lực quản lý tài chính, một số kết quả nổi bật đã đạt được.

12.4. Phân tích và đánh giá các nội dung khác liên quan đến triển khai dự án.

- Địa điểm thực hiện dự án (nêu rõ địa chỉ cụ thể, thuận lợi và hạn chế về hạ tầng như giao thông,... của địa điểm triển khai dự án); nhà xưởng, mặt bằng hiện có (m^2), dự kiến cải tạo, mở rộng,...

- Trang thiết bị chủ yếu đảm bảo cho triển khai dự án (nêu rõ trang thiết bị đã có, trang thiết bị cần thuê, mua hoặc tự thiết kế chế tạo; khả năng cung ứng trang thiết bị của thị trường cho dự án,...). Nguyên vật liệu (khả năng cung ứng nguyên vật liệu chủ yếu cho quá trình sản xuất thử nghiệm, làm rõ những nguyên vật liệu cần nhập của nước ngoài,...).

12.5. Phương án, kế hoạch triển khai (dự kiến) sau khi dự án kết thúc.

Sản xuất thử nghiệm; sản xuất công nghiệp của doanh nghiệp; chuyển giao công nghệ; liên doanh, liên kết; thành lập doanh nghiệp khoa học và công nghệ mới để tiến hành sản xuất - kinh doanh; hình thức khác,...

12.6. Phân tích tính khả thi của dự án, điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội, nguy cơ và rủi ro của dự án.

II. MỤC TIÊU, NỘI DUNG, GIẢI PHÁP, TIẾN ĐỘ VÀ KINH PHÍ THỰC HIỆN	
13	**Mục tiêu của dự án**
	Nêu rõ mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể của dự án, trong đó mục tiêu cụ thể được định lượng và có các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật cần đạt được.
14	**Nội dung và các hoạt động của dự án**
	Mô tả chi tiết các nội dung và hoạt động của dự án cần thực hiện để giải quyết vấn đề đặt ra kèm theo các nhu cầu về nhân lực, tài chính và nguyên vật liệu,... *- Nội dung 1:* *+ Công việc 1:...* *+ Công việc 2:...* *+ ...* *- Nội dung 2:* *+ Công việc 1:...* *+ Công việc 2:...* *+ ...* *- ...* *Nếu trong nội dung và hoạt động của dự án có đề tài nghiên cứu khoa học, dự án sản xuất thử nghiệm thì từng đề tài nghiên cứu khoa học, từng dự án sản xuất thử nghiệm có thuyết minh cụ thể theo Biểu mẫu chung do Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành. Các thuyết minh đề tài nghiên cứu khoa học, dự án sản xuất thử nghiệm là Phụ lục kèm theo của dự án.*
15	**Giải pháp thực hiện dự án**
	15.1. Giải pháp huy động nguồn vốn thực hiện dự án: *- Cơ cấu nguồn vốn;* *- Nguyên tắc huy động nguồn vốn;* *- Tiến độ huy động nguồn vốn.* *15.2. Phân kỳ dự án (giải trình các giai đoạn triển khai cụ thể, có tính khả thi cao).* *15.3. Nhân lực tham gia dự án (kế hoạch huy động và phát triển nguồn nhân lực tham gia dự án).* *15.4. Thông tin tuyên truyền.* *15.5. Hợp tác quốc tế (Trình bày rõ phương án phối hợp: tên đối tác nước ngoài; nội dung đã hợp tác - đối với đối tác đã có hợp tác từ trước; nội dung cần hợp tác trong khuôn khổ dự án; hình thức thực hiện.*

Phân tích rõ lý do cần hợp tác và dự kiến kết quả hợp tác, tác động của hợp tác đối với kết quả của dự án).

15.6. Phương thức chuyển giao sản phẩm tạo ra từ dự án; phương án phối hợp với các tổ chức nghiên cứu và cơ sở sản xuất trong nước.

16 Tiến độ thực hiện dự án

STT	Nội dung, công việc chủ yếu cần được thực hiện	Kết quả phải đạt	Thời gian thực hiện	Kinh phí dự kiến	Ghi chú
1					
2					
...					

17 Kinh phí thực hiện

Giải trình cụ thể kinh phí thực hiện các nội dung và hoạt động của dự án, mua sắm trang thiết bị, kinh phí đào tạo, vận hành dự án,...

III. KẾT QUẢ CỦA DỰ ÁN

18 Yêu cầu đối với kết quả dự án

Số lượng, quy mô, chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật, giá trị gia tăng của công nghệ cao, sản phẩm công nghệ cao được nghiên cứu và phát triển trong dự án. So sánh với một số công nghệ cao, sản phẩm công nghệ cao tương đương của một số nước trong khu vực và trên thế giới.

19 Hiệu quả của dự án

19.1. Mức độ đóng góp, tác động dẫn đầu, lan tỏa đối với sự phát triển ngành, lĩnh vực, khu vực, địa phương.

19.2. Hiệu quả về khoa học và công nghệ.

19.3. Hiệu quả về kinh tế - xã hội.

Ngày.... tháng.... năm 20....

Tổ chức chủ trì Dự án
(Họ tên, chữ ký, đóng dấu)

Chủ nhiệm Dự án
(Họ tên, chữ ký)

Văn phòng Chương trình quốc gia phát triển công nghệ cao[1]
(Họ tên, chữ ký, đóng dấu)

Đại diện Ban chủ nhiệm Chương trình[2]
(Họ tên, chữ ký, đóng dấu)

[1,2] *Chỉ ký tên, đóng dấu khi dự án được phê duyệt.*

DỰ TOÁN KINH PHÍ DỰ ÁN

(Theo nội dung chi)

Đơn vị: triệu đồng

TT	Nội dung các khoản chi	Tổng số		Nguồn vốn									
				Ngân sách SNKH								Tự có	Khác
		Kinh phí	Tỷ lệ (%)	Tổng số	*Trong đó, khoán chi theo quy định*	Năm thứ nhất	*Trong đó, khoán chi theo quy định*	Năm thứ hai	*Trong đó, khoán chi theo quy định*	Năm thứ...	*Trong đó, khoán chi theo quy định*		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
1	Chi phí đặc thù cho dự án												
2	Thiết bị, máy móc mua mới												
3	Chi phí hỗ trợ công nghệ												
4	Nhà xưởng xây dựng mới và cải tạo												
5	Chi phí lao động												
6	Nguyên vật liệu năng lượng												
7	Thuê thiết bị, phòng làm việc												
8	Chi khác												
	Tổng cộng												

CHI PHÍ ĐẶC THÙ CHO DỰ ÁN

Đơn vị: triệu đồng

TT	Mục chi	Nội dung	Đơn vị đo	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Nguồn vốn									
							Ngân sách SNKH								Tự có	Khác
							Tổng số	*Trong đó, khoán chi theo quy định*	Năm thứ nhất	*Trong đó, khoán chi theo quy định*	Năm thứ hai	*Trong đó, khoán chi theo quy định*	Năm thứ ...	*Trong đó, khoán chi theo quy định*		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*
1		Hoạt động chuyển giao công nghệ														
2		Tìm kiếm thông tin về công nghệ, bí quyết công nghệ														
3		Thuê chuyên gia tư vấn trong nước và nước ngoài														
		....														
	Cộng:															

NHU CẦU NGUYÊN VẬT LIỆU

Đơn vị: triệu đồng

TT	Mục chi	Nội dung	Đơn vị đo	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Nguồn vốn									
							Ngân sách SNKH								Tự có	Khác
							Tổng số	*Trong đó, khoán chi theo quy định*	Năm thứ nhất	*Trong đó, khoán chi theo quy định*	Năm thứ hai	*Trong đó, khoán chi theo quy định*	Năm thứ ...	*Trong đó, khoán chi theo quy định*		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*
1		Nguyên, vật liệu chủ yếu														
2		Nguyên, vật liệu phụ														
3		Dụng cụ, phụ tùng, vật rẻ tiền mau hỏng														
	Cộng:															

NHU CẦU ĐIỆN, NƯỚC, XĂNG DẦU

Đơn vị: triệu đồng

TT	Mục chi	Nội dung	Đơn vị đo	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Nguồn vốn									
							Ngân sách SNKH								Tự có	Khác
							Tổng số	*Trong đó, khoán chi theo quy định*	Năm thứ nhất	*Trong đó, khoán chi theo quy định*	Năm thứ hai	*Trong đó, khoán chi theo quy định*	Năm thứ ...	*Trong đó, khoán chi theo quy định*		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*
1		***Về điện :***	*kW/h*													
		- Điện sản xuất: Tổng công suất thiết bị, máy móc... kW														
2		***Về nước:***	m^3													
3		***Về xăng dầu:***	*Lít*													
		- Cho thiết bị sản xuất ..... tấn														
		- Cho phương tiện vận tải... tấn														
		Cộng:														

YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ, MÁY MÓC

A. Thiết bị hiện có *(tính giá trị còn lại)* *Đơn vị: triệu đồng*

TT	Nội dung	Đơn vị đo	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*
I	**Thiết bị công nghệ**				
1					
2					
3					
4					
II	**Thiết bị thử nghiệm, đo lường**				
1					
2					
3					
4					
				Cộng:	

YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ, MÁY MÓC

B. Thiết bị mới bổ sung, thuê thiết bị

Đơn vị: triệu đồng

TT	Mục chi	Nội dung	Đơn vị đo	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Nguồn vốn					
							Ngân sách SNKH				Tự có	Khác
							Tổng số	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ...		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*
1		Mua thiết bị công nghệ										
2		Mua thiết bị thử nghiệm, đo lường										
3		Mua bằng sáng chế, bản quyền										
4		Mua phần mềm máy tính										
5		Vận chuyển lắp đặt										
6		Thuê thiết bị (nêu các thiết bị cần thuê, giá thuê và chỉ ghi vào cột 7 để tính vốn lưu động)										
	Cộng:											

Chú ý: Ngân sách Nhà nước chỉ hỗ trợ mua nguyên chiếc thiết bị, máy móc.

CHI PHÍ HỖ TRỢ CÔNG NGHỆ

Đơn vị: triệu đồng

TT	Mục chi	Nội dung	Chi phí	Nguồn vốn					
				Ngân sách SNKH				Tự có	Khác
				Tổng số	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ...		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
A		**Chi phí hỗ trợ cho các hạng mục công nghệ (kể cả công nghệ nhập)**							
1		- Hoàn thiện, nắm vững và làm chủ quy trình công nghệ							
2		- Hoàn thiện các thông số về kỹ thuật							
3		- Ổn định các thông số và chất lượng nguyên vật liệu đầu vào							
4		- Ổn định chất lượng sản phẩm; về khối lượng sản phẩm cần sản xuất							
		...							
B		**Chi phí đào tạo công nghệ**							
1		- Cán bộ công nghệ							
2		- Công nhân vận hành							
		...							
		Cộng							

ĐẦU TƯ CƠ SỞ HẠ TẦNG

A. Nhà xưởng đã có (giá trị còn lại) *Đơn vị: triệu đồng*

TT	Nội dung	Đơn vị đo	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*
1					
2					
Cộng A:					

B. Nhà xưởng xây dựng mới và cải tạo *Đơn vị: triệu đồng*

TT	Mục chi	Nội dung	Kinh phí	Nguồn vốn					
				Ngân sách SNKH				Tự có	Khác
				Tổng số	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ...		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
1		Xây dựng nhà xưởng mới							
2		Chi phí sửa chữa cải tạo							
3		Chi phí lắp đặt hệ thống điện							
4		Chi phí lắp đặt hệ thống nước							
5		Chi phí khác							
		Cộng B:							

CHI PHÍ LAO ĐỘNG

Đơn vị: triệu đồng

TT	Nội dung lao động	Tổng số		Nguồn vốn									
				Ngân sách SNKH								Tự có	Khác
		Mục chi	Tổng	Tổng số	*Trong đó, khoán chi theo quy định*	*Năm thứ nhất*	*Trong đó, khoán chi theo quy định*	*Năm thứ hai*	*Trong đó, khoán chi theo quy định*	*Năm thứ...*	*Trong đó, khoán chi theo quy định*		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
1	***Nội dung 1***												
	- Sản phẩm 1												
	- Sản phẩm 2												
	Tổng cộng:												

CHI KHÁC CHO DỰ ÁN

Đơn vị: triệu đồng

TT	Mục chi	Nội dung	Thành tiền	Nguồn vốn									
				Ngân sách SNKH								Tự có	Khác
				Tổng số	*Trong đó, khoán chi theo quy định*	Năm thứ nhất	*Trong đó, khoán chi theo quy định*	Năm thứ hai	*Trong đó, khoán chi theo quy định*	Năm thứ ...	*Trong đó, khoán chi theo quy định*		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
1		**Công tác phí, đoàn ra, đoàn vào** - Trong nước - Ngoài nước											
2		**Quản lý phí** - Quản lý hành chính thực hiện dự án											
3		**Sửa chữa, bảo trì thiết bị**											
4		**Chi phí kiểm tra, đánh giá nghiệm thu:** - Chi phí kiểm tra trung gian - Chi phí nghiệm thu cấp cơ sở											
5		**Chi khác:** - Xây dựng, biên soạn, bổ sung tài liệu phục vụ dự án - Hội thảo, hội nghị - Đăng ký bảo hộ sở hữu trí tuệ - Thông tin tuyên truyền, tiếp thị, quảng cáo, hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm - Báo cáo tổng kết - In ấn, văn phòng phẩm - ...											
		Cộng											

Biểu A3-2
31/2012/TT-BKHCN

THUYẾT MINH DỰ ÁN ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ CAO

<table>
<tr><td colspan="4">I. THÔNG TIN CHUNG</td></tr>
<tr><td>1</td><td>Tên dự án</td><td>2</td><td>Mã số (được cấp khi hồ sơ trúng tuyển)</td></tr>
<tr><td colspan="2"></td><td colspan="2"></td></tr>
<tr><td>3</td><td colspan="3">Thời gian, địa điểm thực hiện dự án</td></tr>
<tr><td colspan="4"></td></tr>
<tr><td>4</td><td colspan="3">Kinh phí</td></tr>
<tr><td colspan="4">Tổng kinh phí đầu tư: triệu đồng
Các giai đoạn đầu tư:
• Giai đoạn 1: triệu đồng
• Giai đoạn 2: triệu đồng
• ...
Xuất xứ nguồn vốn:
• Từ ngân sách nhà nước: triệu đồng
• Từ vốn tự có của đơn vị: triệu đồng
• Từ các nguồn vốn khác: triệu đồng (hoặc USD)
Tỷ giá đồng/USD (tại thời điểm đề xuất thuyết minh dự án hoặc thực hiện dự án)
Hình thức đầu tư:</td></tr>
<tr><td>5</td><td colspan="3">Tổ chức chủ trì dự án</td></tr>
<tr><td colspan="4">Tên tổ chức:
Điện thoại: Fax:
E-mail:
Website:
Địa chỉ:
Họ và tên thủ trưởng tổ chức:
Số tài khoản:
Kho bạc nhà nước, Ngân hàng:</td></tr>
</table>

6 Chủ nhiệm dự án

Họ và tên:

Ngày, tháng, năm sinh:

Học hàm, học vị:

Trình độ chuyên môn:

Điện thoại: Fax:

E-mail:

Địa chỉ nhà riêng:

7 Các tổ chức phối hợp thực hiện dự án

TT	Tên tổ chức	Địa chỉ	Cơ quan chủ quản
1			
2			
...			

8 Các cán bộ thực hiện dự án *(gửi kèm tóm tắt hoạt động khoa học và công nghệ)*

TT	Họ và tên, học hàm, học vị	Nơi công tác	Nội dung, công việc chính tham gia dự án	Thời gian tham gia dự án
1				
2				
...				

9 Luận cứ xây dựng dự án

9.1. Nêu rõ sự phù hợp của dự án theo từng điểm, khoản được quy định tại Điều 2, Điều 3 của Thông tư Hướng dẫn xác định dự án, tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp thực hiện dự án thuộc Chương trình nghiên cứu, đào tạo và xây dựng hạ tầng kỹ thuật công nghệ cao.

9.2. Hiện trạng và tính cấp thiết của dự án.

- Tình hình ứng dụng công nghệ cao trên thế giới có liên quan đến dự án; hiện trạng trong nước về ứng dụng công nghệ cao có liên quan đến dự án.

- Phân tích một số nội dung liên quan đến thị trường, yêu cầu đối với dự án: thị trường thế giới, thị trường trong nước, dự kiến thị phần của sản phẩm.

10	**Tính khả thi của dự án**

10.1. Giải trình cụ thể về công nghệ trong dự án

- Giải trình rõ công nghệ của dự án là thế hệ công nghệ mới, thuộc Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển và phải thuộc một trong các trường hợp sau: sử dụng kết quả nghiên cứu về công nghệ cao để đổi mới công nghệ, đổi mới và nâng cao giá trị gia tăng của sản phẩm; sản xuất thử nghiệm sản phẩm; làm chủ, thích nghi công nghệ cao nhập từ nước ngoài vào điều kiện thực tế Việt Nam.

- Giải trình việc cam kết đầu tư bình quân trong 3 năm liền bằng nguồn vốn tự có của tổ chức chủ trì cho hoạt động nghiên cứu và phát triển tại Việt Nam đạt ít nhất 1% tổng doanh thu hàng năm của dự án và từ năm thứ tư trở đi phải đạt trên 1% tổng doanh thu của dự án.

- Giải trình dây chuyền công nghệ của dự án phải đạt trình độ tiên tiến và được điều khiển theo chương trình. Các thiết bị chính trong dây chuyền công nghệ được cập nhật các công nghệ mới trong lĩnh vực hoạt động của dự án cách thời điểm đầu tư không quá 05 năm.

- Giải trình hệ thống quản lý chất lượng của dự án phải đạt tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế theo từng chuyên ngành như TCVN ISO 9001:2008, CMM, GMP hoặc các tiêu chuẩn tương đương khác; Giải trình việc tuân thủ tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật về môi trường trong lĩnh vực hoạt động của dự án theo quy định của pháp luật Việt Nam. Khuyến khích dự án đạt được tiêu chuẩn quốc tế về môi trường như ISO 14000 hoặc tiêu chuẩn tương đương.

- Giải trình rõ việc thực hiện theo các quy định hiện hành của pháp luật về chuyển giao công nghệ (nếu có).

10.2. Kết quả dự kiến của dự án

Làm rõ tính mới, tính tiên tiến của sản phẩm, quy mô sản xuất, doanh số, chất lượng, tính năng kỹ thuật, khả năng cạnh tranh, giá trị gia tăng của sản phẩm, dự kiến kế hoạch sản xuất kinh doanh của sản phẩm, thời điểm hòa vốn đầu tư, địa chỉ và phạm vi áp dụng kết quả của dự án. So sánh tính năng kỹ thuật, giá bán (dự kiến) của sản phẩm so với sản phẩm cùng loại trên thế giới, khu vực, trong nước.

10.3. Giải trình chi tiết về năng lực thực hiện dự án

- Giải trình chi tiết số lượng, trình độ cán bộ trực tiếp tham gia nghiên cứu và phát triển, đặc biệt là số lao động có bằng đại học trở lên.

- Giải trình cơ sở vật chất - kỹ thuật, năng lực về tài chính (báo cáo tài chính 3 năm gần nhất), năng lực khoa học và công nghệ, năng lực

thu thập và xử lý thông tin, năng lực hợp tác trong và ngoài nước; năng lực quản lý, năng lực quản lý tài chính, một số kết quả nổi bật đã đạt được.

10.4. Phân tích và đánh giá các nội dung khác liên quan đến triển khai dự án

- Địa điểm thực hiện dự án (nêu rõ địa chỉ cụ thể, thuận lợi và hạn chế về hạ tầng như giao thông, thông tin, điện nước,... của địa điểm triển khai dự án); nhà xưởng, mặt bằng hiện có (m^2), dự kiến cải tạo, mở rộng,...

- Trang thiết bị chủ yếu đảm bảo cho triển khai dự án (nêu rõ trang thiết bị đã có, bao gồm cả liên doanh với các đơn vị tham gia, trang thiết bị cần thuê, mua hoặc tự thiết kế chế tạo; khả năng cung ứng trang thiết bị của thị trường cho dự án,...). Nguyên vật liệu (khả năng cung ứng nguyên vật liệu chủ yếu cho quá trình sản xuất thử nghiệm, làm rõ những nguyên vật liệu cần nhập của nước ngoài,...).

- Dự báo nhu cầu thị trường và phương án kinh doanh công nghệ, sản phẩm được tạo ra trong dự án: dự báo nhu cầu thị trường; phương án tiếp thị công nghệ, sản phẩm của dự án; phân tích giá thành, giá bán dự kiến của công nghệ, sản phẩm trong thời gian sản xuất thử nghiệm; giá bán khi ổn định sản xuất; các phương thức hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm dự án; phương án tổ chức mạng lưới phân phối sản phẩm khi phát triển sản xuất quy mô công nghiệp.

- Phân tích các thông số và so sánh với các công nghệ, sản phẩm cùng loại trong nước và của nước ngoài: dây chuyền công nghệ, các thiết bị, quy trình công nghệ đã được ổn định (quy mô, các thông số và tiêu chuẩn kỹ thuật); sản phẩm đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ; ấn phẩm; đào tạo cán bộ; sản phẩm sản xuất thử nghiệm (chủng loại, khối lượng, tiêu chuẩn chất lượng).

10.5. Phương án, kế hoạch triển khai (dự kiến) sau khi dự án kết thúc

- Sản xuất thử nghiệm; sản xuất công nghiệp của doanh nghiệp; chuyển giao công nghệ; liên doanh, liên kết; thành lập doanh nghiệp khoa học và công nghệ mới để tiến hành sản xuất - kinh doanh; hình thức khác,...

10.6. Phân tích tính khả thi của dự án, điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội, nguy cơ và rủi ro của dự án.

II. MỤC TIÊU, NỘI DUNG, GIẢI PHÁP, TIẾN ĐỘ VÀ KINH PHÍ THỰC HIỆN

11	**Mục tiêu của dự án**

Nêu rõ mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể của dự án, trong đó mục tiêu cụ thể được định lượng và có các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật cần đạt được

12	**Nội dung và các hoạt động của dự án**

Mô tả chi tiết các nội dung và hoạt động của dự án cần thực hiện để giải quyết vấn đề đặt ra kèm theo các nhu cầu về nhân lực, tài chính và nguyên vật liệu,...

- Nội dung 1:

+ Công việc 1:...

+ Công việc 2:...

+ ...

- Nội dung 2:

+ Công việc 1:...

+ Công việc 2:...

+ ...

- ...

Nếu trong nội dung và hoạt động của dự án ứng dụng công nghệ cao có dự án sản xuất thử nghiệm thì dự án sản xuất thử nghiệm có thuyết minh cụ thể theo Biểu mẫu chung do Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành. Thuyết minh dự án sản xuất thử nghiệm là Phụ lục kèm theo của dự án.

13	**Giải pháp thực hiện dự án**

13.1. Giải pháp huy động nguồn vốn thực hiện dự án:

- Cơ cấu nguồn vốn;

- Nguyên tắc huy động nguồn vốn;

- Tiến độ huy động nguồn vốn.

13.2. Phân kỳ dự án (giải trình các giai đoạn triển khai cụ thể, có tính khả thi cao).

13.3. Nhân lực tham gia dự án (kế hoạch huy động và phát triển nguồn nhân lực tham gia dự án).

13.4. Thông tin tuyên truyền.

13.5. Hợp tác quốc tế (Trình bày rõ phương án phối hợp: tên đối tác nước ngoài; nội dung đã hợp tác - đối với đối tác đã có hợp tác từ trước; nội dung cần hợp tác trong khuôn khổ dự án; hình thức thực hiện. Phân tích rõ lý do cần hợp tác và dự kiến kết quả hợp tác, tác động của hợp tác đối với kết quả của dự án).

13.6. Phương thức chuyển giao sản phẩm tạo ra từ dự án; phương án phối hợp với các tổ chức nghiên cứu và cơ sở sản xuất trong nước.

<table>
<tr><td>14</td><td colspan="6">Tiến độ thực hiện dự án</td></tr>
<tr><td></td><td>STT</td><td>Nội dung, công việc chủ yếu cần được thực hiện</td><td>Kết quả phải đạt</td><td>Thời gian thực hiện</td><td>Kinh phí dự kiến</td><td>Ghi chú</td></tr>
<tr><td></td><td>1</td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td></tr>
<tr><td></td><td>2</td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td></tr>
<tr><td></td><td>...</td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td></tr>
<tr><td>15</td><td colspan="6">Kinh phí thực hiện</td></tr>
<tr><td colspan="7">Giải trình cụ thể kinh phí thực hiện các nội dung và hoạt động của dự án, mua sắm trang thiết bị, kinh phí đào tạo, vận hành dự án,...</td></tr>
<tr><td colspan="7">III. KẾT QUẢ CỦA DỰ ÁN</td></tr>
<tr><td>16</td><td colspan="6">Yêu cầu đối với kết quả dự án</td></tr>
<tr><td colspan="7">Số lượng, tiêu chuẩn, quy mô, chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật, giá trị gia tăng của sản phẩm ứng dụng công nghệ cao của dự án. Mức độ cần đạt. So sánh với sản phẩm công nghệ cao, dịch vụ công nghệ cao tương đương trong khu vực và trên thế giới (tiêu chuẩn, tính năng kỹ thuật, giá thành, chất lượng, thương mại hóa,...).</td></tr>
<tr><td>17</td><td colspan="6">Hiệu quả của dự án</td></tr>
<tr><td colspan="7">17.1. Mức độ đóng góp, tác động dẫn đầu, lan tỏa đối với sự phát triển ngành, lĩnh vực, khu vực, địa phương.
17.2. Hiệu quả về khoa học và công nghệ.
17.3. Hiệu quả về kinh tế - xã hội.</td></tr>
</table>

Ngày.... tháng.... năm 20....

Tổ chức chủ trì Dự án
(Họ tên, chữ ký, đóng dấu)

Chủ nhiệm Dự án
(Họ tên, chữ ký)

Văn phòng Chương trình quốc gia phát triển công nghệ cao[1]
(Họ tên, chữ ký, đóng dấu)

Đại diện Ban chủ nhiệm Chương trình[2]
(Họ tên, chữ ký, đóng dấu)

[1,2] *Chỉ ký tên, đóng dấu khi dự án được phê duyệt.*

DỰ TOÁN KINH PHÍ DỰ ÁN

(Theo nội dung chi)

Đơn vị: triệu đồng

TT	Nội dung các khoản chi	Tổng số		Nguồn vốn									
				Ngân sách SNKH								Tự có	Khác
		Kinh phí	Tỷ lệ (%)	Tổng số	*Trong đó, khoán chi theo quy định*	Năm thứ nhất	*Trong đó, khoán chi theo quy định*	Năm thứ hai	*Trong đó, khoán chi theo quy định*	Năm thứ...	*Trong đó, khoán chi theo quy định*		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
1	Chi phí đặc thù cho dự án												
2	Thiết bị, máy móc mua mới												
3	Chi phí hỗ trợ công nghệ												
4	Nhà xưởng xây dựng mới và cải tạo												
5	Chi phí lao động												
6	Nguyên vật liệu năng lượng												
7	Thuê thiết bị, phòng làm việc												
8	Chi khác												
	Tổng cộng												

CHI PHÍ ĐẶC THÙ CHO DỰ ÁN

Đơn vị: triệu đồng

TT	Mục chi	Nội dung	Đơn vị đo	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Nguồn vốn									
							Ngân sách SNKH								Tự có	Khác
							Tổng số	*Trong đó, khoán chi theo quy định*	Năm thứ nhất	*Trong đó, khoán chi theo quy định*	Năm thứ hai	*Trong đó, khoán chi theo quy định*	Năm thứ...	*Trong đó, khoán chi theo quy định*		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*
1		Thuê chuyên gia khoa học công nghệ trong và ngoài nước														
		....														
	Cộng:															

NHU CẦU NGUYÊN VẬT LIỆU

Đơn vị: triệu đồng

TT	Mục chi	Nội dung	Đơn vị đo	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Nguồn vốn									
							Ngân sách SNKH								Tự có	Khác
							Tổng số	*Trong đó, khoán chi theo quy định*	Năm thứ nhất	*Trong đó, khoán chi theo quy định*	Năm thứ hai	*Trong đó, khoán chi theo quy định*	Năm thứ ...	*Trong đó, khoán chi theo quy định*		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*
1		Nguyên, vật liệu chủ yếu														
2		Nguyên, vật liệu phụ														
3		Dụng cụ, phụ tùng, vật rẻ tiền mau hỏng														
	Cộng:															

NHU CẦU ĐIỆN, NƯỚC, XĂNG DẦU

Đơn vị: triệu đồng

TT	Mục chi	Nội dung	Đơn vị đo	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Nguồn vốn									
							Ngân sách SNKH								Tự có	Khác
							Tổng số	*Trong đó, khoán chi theo quy định*	Năm thứ nhất	*Trong đó, khoán chi theo quy định*	Năm thứ hai	*Trong đó, khoán chi theo quy định*	Năm thứ ...	*Trong đó, khoán chi theo quy định*		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*
1		***Về điện:***	*kW/h*													
		- Điện sản xuất: Tổng công suất thiết bị, máy móc.... kW														
2		***Về nước:***	*m^3*													
3		***Về xăng dầu:***	*Lít*													
		- Cho thiết bị sản xuất..... tấn														
		- Cho phương tiện vận tải... tấn														
		Cộng:														

YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ, MÁY MÓC

A. Thiết bị hiện có *(tính giá trị còn lại)* *Đơn vị: triệu đồng*

TT	Nội dung	Đơn vị đo	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*
I	**Thiết bị công nghệ**				
1					
2					
3					
4					
II	**Thiết bị thử nghiệm, đo lường**				
1					
2					
3					
4					
				Cộng:	

YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ, MÁY MÓC

B. Thiết bị mới bổ sung, thuê thiết bị

Đơn vị: triệu đồng

TT	Mục chi	Nội dung	Đơn vị đo	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Nguồn vốn					
							Ngân sách SNKH				Tự có	Khác
							Tổng số	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ...		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*
1		Mua thiết bị công nghệ										
2		Mua thiết bị thử nghiệm, đo lường										
3		Mua bằng sáng chế, bản quyền										
4		Mua phần mềm máy tính										
5		Vận chuyển lắp đặt										
6		Thuê thiết bị (nêu các thiết bị cần thuê, giá thuê và chỉ ghi vào cột 7 để tính vốn lưu động)										
	Cộng:											

Chú ý: Ngân sách Nhà nước chỉ hỗ trợ mua nguyên chiếc thiết bị, máy móc.

CHI PHÍ HỖ TRỢ CÔNG NGHỆ

Đơn vị: triệu đồng

TT	Mục chi	Nội dung	Chi phí	Nguồn vốn					
				Ngân sách SNKH				Tự có	Khác
				Tổng số	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ...		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
A		**Chi phí hỗ trợ cho các hạng mục công nghệ (kể cả công nghệ nhập)**							
1		- Hoàn thiện, nắm vững và làm chủ quy trình công nghệ							
2		- Hoàn thiện các thông số về kỹ thuật							
3		- Ổn định các thông số và chất lượng nguyên vật liệu đầu vào							
4		- Ổn định chất lượng sản phẩm; về khối lượng sản phẩm cần sản xuất							
		...							
B		**Chi phí đào tạo công nghệ**							
1		- Cán bộ công nghệ							
2		- Công nhân vận hành							
		...							
		Cộng							

ĐẦU TƯ CƠ SỞ HẠ TẦNG

A. Nhà xưởng đã có (giá trị còn lại) *Đơn vị: triệu đồng*

TT	Nội dung	Đơn vị đo	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*
1					
2					
	Cộng A:				

B. Nhà xưởng xây dựng mới và cải tạo *Đơn vị: triệu đồng*

TT	Mục chi	Nội dung	Kinh phí	Nguồn vốn					
				Ngân sách SNKH				Tự có	Khác
				Tổng số	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ...		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
1		Xây dựng nhà xưởng mới							
2		Chi phí sửa chữa cải tạo							
3		Chi phí lắp đặt hệ thống điện							
4		Chi phí lắp đặt hệ thống nước							
5		Chi phí khác							
		Cộng B:							

CHI PHÍ LAO ĐỘNG

Đơn vị: triệu đồng

TT	Mục chi	Nội dung	Số người	Số tháng	Chi phí tr.đ/người/ tháng	Thành tiền	Nguồn vốn					
							Ngân sách SNKH				Tự có	Khác
							Tổng số	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ...		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*
1		Chủ nhiệm Dự án										
2		Kỹ sư										
3		Nhân viên kỹ thuật										
4		Công nhân										
		Cộng										

CHI KHÁC CHO DỰ ÁN

Đơn vị: triệu đồng

TT	Mục chi	Nội dung	Thành tiền	Nguồn vốn									
				Ngân sách SNKH								Tự có	Khác
				Tổng số	*Trong đó, khoán chi theo quy định*	Năm thứ nhất	*Trong đó, khoán chi theo quy định*	Năm thứ hai	*Trong đó, khoán chi theo quy định*	Năm thứ ...	*Trong đó, khoán chi theo quy định*		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
1		**Công tác phí, đoàn ra, đoàn vào** - Trong nước - Ngoài nước											
2		**Quản lý phí** - Quản lý hành chính thực hiện dự án											
3		**Sửa chữa, bảo trì thiết bị**											
4		**Chi phí kiểm tra, đánh giá nghiệm thu:** - Chi phí kiểm tra trung gian - Chi phí nghiệm thu cấp cơ sở											
5		**Chi khác:** - Xây dựng, biên soạn, bổ sung tài liệu phục vụ dự án, - Hội thảo, hội nghị, - Đăng ký bảo hộ sở hữu trí tuệ, - Thông tin tuyên truyền, tiếp thị, quảng cáo, hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm, - Báo cáo tổng kết, - In ấn, văn phòng phẩm, - ...											
		Cộng											

Biểu A3-3a
31/2012/TT-BKHCN

THUYẾT MINH DỰ ÁN
XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ CAO
(Dự án xây dựng và phát triển cơ sở nghiên cứu công nghệ cao)

<table>
<tr><td colspan="4">I. THÔNG TIN CHUNG</td></tr>
<tr><td>1</td><td colspan="2">Tên dự án</td><td>2</td><td>Mã số (được cấp khi trúng tuyển)</td></tr>
<tr><td colspan="3"></td><td colspan="2"></td></tr>
<tr><td>3</td><td colspan="4">Thời gian, địa điểm thực hiện dự án</td></tr>
<tr><td colspan="5"></td></tr>
<tr><td>4</td><td colspan="4">Kinh phí</td></tr>
<tr><td></td><td colspan="4">Tổng kinh phí đầu tư: triệu đồng
Các giai đoạn đầu tư:
• Giai đoạn 1: triệu đồng
• Giai đoạn 2: triệu đồng
• ...
Xuất xứ nguồn vốn:
• Từ ngân sách nhà nước: triệu đồng
• Từ vốn tự có của đơn vị: triệu đồng
• Từ các nguồn vốn khác: triệu đồng (hoặc USD)
Tỷ giá đồng/USD (tại thời điểm đề xuất thuyết minh dự án hoặc thực hiện dự án)
Hình thức đầu tư:</td></tr>
<tr><td>5</td><td colspan="4">Vị trí</td></tr>
<tr><td></td><td colspan="4">☐ Trong khu công nghệ cao
☐ Trong khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao
☐ Trong khu công nghệ thông tin tập trung
☐ Khác</td></tr>
<tr><td>6</td><td colspan="4">Lĩnh vực</td></tr>
<tr><td></td><td colspan="4">☐ Công nghệ thông tin
☐ Vật liệu mới
☐ Tự động hóa
☐ Công nghệ sinh học
☐ Tập hợp hoặc tích hợp các công nghệ nêu trên (nêu rõ)</td></tr>
</table>

7	**Tổ chức chủ trì dự án**
	Tên tổ chức: Điện thoại: Fax: E-mail: Website: Địa chỉ: Họ và tên thủ trưởng tổ chức: Số tài khoản: Kho bạc nhà nước, Ngân hàng:
8	**Chủ nhiệm dự án**
	Họ và tên: Giới tính: Ngày, tháng, năm sinh: Học hàm, học vị: Trình độ chuyên môn: Điện thoại: Fax: E-mail: Địa chỉ nhà riêng:
9	**Các tổ chức phối hợp thực hiện dự án**

TT	Tên tổ chức	Địa chỉ	Cơ quan chủ quản
1			
2			
...			

10 **Các cán bộ thực hiện dự án** *(gửi kèm tóm tắt hoạt động khoa học và công nghệ)*

TT	Họ và tên, học hàm, học vị	Nơi công tác	Nội dung, công việc chính tham gia dự án	Thời gian tham gia dự án
1				
2				
...				

11 **Luận cứ xây dựng dự án**

11.1. Nêu rõ sự phù hợp của dự án theo từng điểm, khoản được quy định tại Điều 2, Điều 3 của Thông tư hướng dẫn xác định dự án, tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp thực hiện dự án thuộc Chương trình nghiên cứu, đào tạo và xây dựng hạ tầng kỹ thuật công nghệ cao.

11.2. Hiện trạng và tính cấp thiết của dự án *- Kinh nghiệm thế giới về việc xây dựng và phát triển các cơ sở nghiên cứu công nghệ cao có liên quan đến dự án; tổng quan thực trạng trong nước về hoạt động của các cơ sở nghiên cứu công nghệ cao có liên quan đến dự án.* *- Phân tích về nhu cầu, yêu cầu và sự cần thiết phải có dự án.*	
12	**Tính khả thi của dự án**
12.1. Giải trình nội dung xây dựng và phát triển cơ sở nghiên cứu công nghệ cao. *- Giải trình về vị trí xây dựng (nêu rõ thuận lợi về địa lý và các điều kiện đảm bảo cho hoạt động của cơ sở).* *- Giải trình cụ thể về định hướng, nhiệm vụ nghiên cứu của cơ sở (làm rõ cơ sở có hoạt động nghiên cứu và phát triển công nghệ cao phù hợp với định hướng phát triển và ưu tiên của khu công nghệ cao, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, khu công nghệ thông tin tập trung,...).* *- Phân tích khả năng tạo ra công nghệ mới, năng lực sản xuất mới, ngành nghề mới, sản phẩm mới hoặc thay thế công nghệ, sản phẩm nhập khẩu; kết quả nghiên cứu của cơ sở có khả năng thương mại hoá, có tiềm năng thị trường lớn, có thể chuyển giao vào sản xuất trên quy mô công nghiệp,...* *- Đánh giá năng lực quản lý và nghiên cứu của lãnh đạo cơ sở nghiên cứu công nghệ cao trong lĩnh vực công nghệ thuộc dự án được thể hiện qua số lượng bài báo đăng trên tạp chí chuyên ngành trong và ngoài nước; số lượng sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp bằng hoặc chấp nhận đơn; số lượng đề tài, dự án trong lĩnh vực có liên quan cấp từ Bộ trở lên đã được nghiệm thu; số lượng công nghệ cốt lõi trong lĩnh vực chuyên ngành đã làm chủ; số lượng công nghệ, sản phẩm đã chuyển giao hoặc đưa vào sản xuất; số lượng dự án hợp tác nghiên cứu và phát triển với đối tác trong và ngoài nước.* *- Giải trình về cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật, trang thiết bị, máy móc,... của cơ sở nghiên cứu công nghệ cao.* *- Các phương án quản lý và hoạt động của cơ sở theo hướng mở, hợp tác với các tổ chức khoa học công nghệ, doanh nghiệp trong và ngoài nước; khai thác hiệu quả việc sử dụng trang thiết bị; thu hút cán bộ khoa học công nghệ, cán bộ trình độ cao; tuân thủ các quy định hiện hành về bảo vệ môi trường và an toàn phòng thí nghiệm khi cơ sở đi vào hoạt động,...*	

- Giải trình về nhân lực làm việc tại cơ sở nghiên cứu công nghệ cao, đặc biệt là nhân lực khoa học và công nghệ có trình độ từ đại học trở lên.

- Giải trình các mối quan hệ hợp tác của cơ sở nghiên cứu công nghệ cao với các cơ sở đào tạo, cơ sở nghiên cứu, cơ sở sản xuất sản phẩm công nghệ cao.

- Kế hoạch hoạt động trong thời gian thực hiện dự án và sau khi dự án kết thúc, đặc biệt phương án huy động vốn và tự chủ tài chính để cơ sở duy trì và phát triển.

12.2. Giải trình chi tiết năng lực thực hiện dự án của tổ chức chủ trì.

- Giải trình chi tiết nguồn nhân lực, số lượng, trình độ cán bộ trực tiếp tham gia dự án.

- Giải trình cơ sở vật chất - kỹ thuật, năng lực về tài chính (báo cáo tài chính 3 năm gần nhất), năng lực khoa học và công nghệ, năng lực thu thập và xử lý thông tin, năng lực hợp tác trong và ngoài nước; năng lực quản lý, năng lực quản lý tài chính, một số kết quả nổi bật đã đạt được.

12.3. Mô hình cụ thể tổ chức, triển khai dự án.

12.4. Đề xuất phương án chi tiết sử dụng, khai thác dự án của tổ chức chủ trì.

12.5. Phân tích tính khả thi của dự án, điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội, nguy cơ và rủi ro của dự án.

II. MỤC TIÊU, NỘI DUNG, GIẢI PHÁP, TIẾN ĐỘ VÀ KINH PHÍ THỰC HIỆN

13 Mục tiêu của dự án

Nêu rõ mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể của dự án, trong đó mục tiêu cụ thể được định lượng và có các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật cần đạt được.

14 Nội dung và các hoạt động của dự án

Mô tả chi tiết các nội dung và hoạt động của dự án cần thực hiện để giải quyết vấn đề đặt ra kèm theo các nhu cầu về nhân lực, tài chính và nguyên vật liệu,...

- Nội dung 1:

+ Công việc 1:...

+ Công việc 2:...

+ ...

- Nội dung 2:

+ Công việc 1:...

+ Công việc 2:...

+ ...

- ...

15 Giải pháp thực hiện dự án

15.1. Giải pháp huy động nguồn vốn thực hiện dự án:

- Cơ cấu nguồn vốn;

- Nguyên tắc huy động nguồn vốn;

- Tiến độ huy động nguồn vốn.

15.2. Phân kỳ dự án (giải trình các giai đoạn triển khai cụ thể, có tính khả thi cao).

15.3. Nhân lực tham gia dự án (kế hoạch huy động và phát triển nguồn nhân lực tham gia dự án).

15.4. Thông tin tuyên truyền.

15.5. Hợp tác quốc tế (Trình bày rõ phương án phối hợp: tên đối tác nước ngoài; nội dung đã hợp tác - đối với đối tác đã có hợp tác từ trước; nội dung cần hợp tác trong khuôn khổ dự án; hình thức thực hiện. Phân tích rõ lý do cần hợp tác và dự kiến kết quả hợp tác, tác động của hợp tác đối với kết quả của dự án).

16 Tiến độ thực hiện

STT	Nội dung, công việc chủ yếu cần được thực hiện	Kết quả phải đạt	Thời gian thực hiện	Kinh phí dự kiến	Ghi chú
1					
2					
...					

17 Kinh phí thực hiện

Giải trình cụ thể kinh phí thực hiện các nội dung và hoạt động của dự án, mua sắm trang thiết bị, kinh phí đào tạo, vận hành dự án,...

III. KẾT QUẢ CỦA DỰ ÁN

18 Kết quả của dự án

18.1. Quy mô, cơ sở vật chất, trang thiết bi, đội ngũ cán bộ nghiên cứu, lĩnh vực nghiên cứu và phát triển,... của cơ sở.

18.2. Các công nghệ cao, sản phẩm công nghệ cao và các công trình nghiên cứu khác (bài báo, sáng chế,...) được thực hiện tại cơ sở. Trình độ và kết quả của các công nghệ cao, sản phẩm công nghệ cao được nghiên cứu.

18.3. So sánh với các cơ sở nghiên cứu công nghệ cao trong khu vực và trên thế giới.

19	**Hiệu quả của dự án**
	19.1. Mức độ đóng góp, tác động dẫn đầu, lan tỏa đối với sự phát triển ngành, lĩnh vực, khu vực, địa phương. *19.2. Hiệu quả về khoa học và công nghệ.* *19.3. Hiệu quả về kinh tế - xã hội.*

Ngày.... tháng.... năm 20....

Tổ chức chủ trì Dự án
(Họ tên, chữ ký, đóng dấu)

Chủ nhiệm Dự án
(Họ tên, chữ ký)

Văn phòng Chương trình quốc gia phát triển công nghệ cao[1]
(Họ tên, chữ ký, đóng dấu)

Đại diện Ban chủ nhiệm Chương trình[2]
(Họ tên, chữ ký, đóng dấu)

[1,2] *Chỉ ký tên, đóng dấu khi dự án được phê duyệt.*

CHI PHÍ NGÂN SÁCH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN

Đơn vị: triệu đồng

TT	Mục chi	Nội dung	Đơn vị đo	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Nguồn vốn									
							Ngân sách ĐTPT								Tự có	Khác
							Tổng số	*Trong đó, khoán chi theo quy định*	Năm thứ nhất	*Trong đó, khoán chi theo quy định*	Năm thứ hai	*Trong đó, khoán chi theo quy định*	Năm thứ ...	*Trong đó, khoán chi theo quy định*		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*
1																
2																
3																
		....														
	Cộng:															

CHI PHÍ NGÂN SÁCH SỰ NGHIỆP KHOA HỌC

Đơn vị: triệu đồng

TT	Mục chi	Nội dung	Đơn vị đo	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Nguồn vốn									
							Ngân sách SNKH								Tự có	Khác
							Tổng số	*Trong đó, khoán chi theo quy định*	Năm thứ nhất	*Trong đó, khoán chi theo quy định*	Năm thứ hai	*Trong đó, khoán chi theo quy định*	Năm thứ ...	*Trong đó, khoán chi theo quy định*		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*
1																
2																
3																
		....														
	Cộng:															

Biểu A3-3b

31/2012/TT-BKHCN

THUYẾT MINH DỰ ÁN
XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ CAO
(Dự án xây dựng và phát triển cơ sở ươm tạo công nghệ cao, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao)

I. THÔNG TIN CHUNG			
1	**Tên dự án**	**2**	**Mã số** *(được cấp khi hồ sơ trúng tuyển)*
3	**Thời gian, địa điểm thực hiện dự án**		
4	**Kinh phí**		
	Tổng kinh phí đầu tư: triệu đồng *Các giai đoạn đầu tư:* • *Giai đoạn 1:* *triệu đồng* • *Giai đoạn 2:* *triệu đồng* • ... *Xuất xứ nguồn vốn:* • *Từ ngân sách nhà nước:* *triệu đồng* • *Từ vốn tự có của đơn vị:* *triệu đồng* • *Từ các nguồn vốn khác:* *triệu đồng (hoặc USD)* **Tỷ giá đồng/USD** (tại thời điểm đề xuất thuyết minh dự án hoặc thực hiện dự án) **Hình thức đầu tư:**		
5	**Tổ chức chủ trì dự án**		
	Tên tổ chức: Điện thoại: Fax: E-mail: Website: Địa chỉ: Họ và tên thủ trưởng tổ chức: Số tài khoản: Kho bạc nhà nước, Ngân hàng:		

6 Chủ nhiệm dự án

Họ và tên:
Ngày, tháng, năm sinh:
Học hàm, học vị:
Trình độ chuyên môn:
Điện thoại: Fax:
E-mail:
Địa chỉ nhà riêng:

7 Các tổ chức phối hợp thực hiện dự án

TT	Tên tổ chức	Địa chỉ	Cơ quan chủ quản
1			
2			
...			

8 Các cán bộ thực hiện dự án *(gửi kèm tóm tắt hoạt động khoa học và công nghệ)*

TT	Họ và tên, học hàm, học vị	Nơi công tác	Nội dung, công việc chính tham gia dự án	Thời gian tham gia dự án
1				
2				
...				

9 Luận cứ xây dựng dự án

9.1. Nêu rõ sự phù hợp của dự án theo từng điểm, khoản được quy định tại Điều 2, Điều 3 của Thông tư Hướng dẫn xác định dự án, tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp thực hiện dự án thuộc Chương trình nghiên cứu, đào tạo và xây dựng hạ tầng kỹ thuật công nghệ cao.

9.2. Hiện trạng và tính cấp thiết của dự án

- Kinh nghiệm thế giới về việc xây dựng và phát triển các cơ sở ươm tạo công nghệ cao, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao có liên quan đến dự án; tổng quan thực trạng trong nước về hoạt động của các cơ sở ươm tạo công nghệ cao, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao có liên quan đến dự án.

- Phân tích về nhu cầu, yêu cầu và sự cần thiết phải có dự án.

10	**Tính khả thi của dự án**

10.1. Giải trình cụ thể về mô hình cơ sở ươm tạo công nghệ cao, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao

- Giải trình về vị trí cơ sở ươm tạo (vị trí thuận lợi cho hoạt động ươm tạo, ví dụ: ở trong trường đại học, viện nghiên cứu lớn, khu công nghệ cao, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, khu công nghệ thông tin tập trung, thuận lợi về giao thông, gần các trung tâm kinh tế,...).

- Giải trình về lĩnh vực công nghệ cao được ưu tiên và sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển cho hoạt động ươm tạo.

- Giải trình về hạ tầng kỹ thuật của cơ sở ươm tạo:

+ Hạ tầng kỹ thuật cơ bản (điện, nước, gas, thiết bị văn phòng,...);

+ Hạ tầng kỹ thuật mở rộng (cơ sở nghiên cứu, phòng họp, phòng hội thảo, phòng trưng bày công nghệ cao, sản phẩm công nghệ cao,...).

- Giải trình về nhân lực của cơ sở ươm tạo:

+ Đội ngũ quản lý chuyên nghiệp, được đào tạo và bồi dưỡng kiến thức tại cơ sở đào tạo có uy tín;

+ Đội ngũ chuyên gia tư vấn về công nghệ, sở hữu trí tuệ, pháp lý, tài chính, quản lý và quản trị doanh nghiệp, marketing,...

- Giải trình về các loại hình dịch vụ được cung cấp bởi cơ sở ươm tạo:

+ Dịch vụ cơ bản gồm tổ chức hội nghị, các hoạt động kế toán, kiểm toán, đăng ký các thủ tục miễn giảm thuế, tư vấn việc thành lập các chi nhánh hoặc liên doanh với các tổ chức khác, tư vấn hoạt động xúc tiến thương mại, tiếp thị,...;

+ Dịch vụ hỗ trợ cho các doanh nghiệp được ươm tạo như xây dựng và phát triển hệ thống quản lý doanh nghiệp, tuyển dụng, đào tạo kiến thức về công nghệ, pháp luật, bảo hộ sở hữu trí tuệ, tài chính, tiếp thị, bán hàng, tư vấn các vấn đề về lao động, việc làm và bảo hiểm,...;

+ Dịch vụ hỗ trợ hoạt động đầu tư và tài chính như xây dựng và phát triển kế hoạch kinh doanh, huy động các nguồn đầu tư tài chính từ quỹ đổi mới công nghệ, quỹ đầu tư mạo hiểm, vốn vay ngân hàng và các nguồn tài chính hợp pháp khác;

+ Dịch vụ hỗ trợ xúc tiến các dự án cụ thể như thẩm định dự án kinh doanh, đánh giá công nghệ, lập kế hoạch triển khai dự án, tư vấn khai thác sáng chế, đánh giá và định giá tài sản vô hình, tư vấn tín dụng và tài chính cho dự án, tư vấn các vấn đề liên quan đến hợp đồng kinh tế, triển lãm sản phẩm và quảng cáo, các dịch vụ khác theo yêu cầu.

10.2. Giải trình về tổ chức vận hành của cơ sở ươm tạo

- Mô hình tổ chức của cơ sở ươm tạo (bao gồm bộ phận quản lý và các bộ phận chức năng như: tư vấn phát triển kinh doanh, tư vấn tài chính và đầu tư, tư vấn đào tạo và công nghệ, tư vấn hành chính và pháp chế,...).

- Mô hình quản lý hoạt động: điều kiện, quy trình, thủ tục tham gia ươm tạo tại cơ sở ươm tạo (tiêu chí, quy trình lựa chọn, đánh giá các ý tưởng công nghệ của các doanh nghiệp, cá nhân đăng ký tham gia cơ sở ươm tạo); quy trình ươm tạo.

- Giải trình về các mối quan hệ hợp tác của cơ sở ươm tạo.

- Quan hệ hợp tác với mạng lưới cơ sở ươm tạo trong nước và nước ngoài.

- Khả năng liên kết với cơ sở sản xuất, nghiên cứu, đào tạo, các tổ chức tài chính, khu công nghệ cao, hiệp hội doanh nghiệp,... phục vụ hoạt động ươm tạo công nghệ cao, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao.

- Kế hoạch hoạt động trong thời gian thực hiện dự án và sau khi dự án kết thúc, đặc biệt phương án huy động vốn và tự chủ tài chính để cơ sở duy trì và phát triển.

10.3. Giải trình chi tiết về năng lực thực hiện dự án của tổ chức chủ trì

- Giải trình chi tiết nguồn nhân lực, số lượng, trình độ cán bộ trực tiếp tham gia dự án.

- Giải trình cơ sở vật chất - kỹ thuật, năng lực về tài chính (báo cáo tài chính 3 năm gần nhất), năng lực khoa học và công nghệ, năng lực thu thập và xử lý thông tin, năng lực hợp tác trong và ngoài nước; năng lực quản lý, năng lực quản lý tài chính, một số kết quả nổi bật đã đạt được.

10.4. Mô hình cụ thể tổ chức, triển khai dự án

10.5. Đề xuất phương án chi tiết sử dụng, khai thác dự án của tổ chức chủ trì

10.6. Phân tích tính khả thi của dự án, điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội, nguy cơ và rủi ro của dự án

II. MỤC TIÊU, NỘI DUNG, GIẢI PHÁP, TIẾN ĐỘ VÀ KINH PHÍ THỰC HIỆN

11	**Mục tiêu của dự án**

Nêu rõ mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể của dự án, trong đó mục tiêu cụ thể được định lượng và có các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật cần đạt được

12	**Nội dung và các hoạt động của dự án**

Mô tả chi tiết các nội dung và hoạt động của dự án cần thực hiện để giải quyết vấn đề đặt ra kèm theo các nhu cầu về nhân lực, tài chính và nguyên vật liệu,...

- Nội dung 1:

+ Công việc 1:...

+ Công việc 2:...

+ ...

- Nội dung 2:

+ Công việc 1:...

+ Công việc 2:...

+ ...

- ...

13 Giải pháp thực hiện dự án

13.1. Giải pháp huy động nguồn vốn thực hiện dự án:

- Cơ cấu nguồn vốn;

- Nguyên tắc huy động nguồn vốn;

- Tiến độ huy động nguồn vốn.

13.2. Phân kỳ dự án (giải trình các giai đoạn triển khai cụ thể, có tính khả thi cao).

13.3. Nhân lực tham gia dự án (kế hoạch huy động và phát triển nguồn nhân lực tham gia dự án).

13.4. Giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp sau khi ươm tạo (duy trì liên kết với các hiệp hội doanh nghiệp, các tổ chức tài chính trong và ngoài nước,...).

13.5. Thông tin tuyên truyền.

13.6. Hợp tác quốc tế (Trình bày rõ phương án phối hợp: tên đối tác nước ngoài; nội dung đã hợp tác - đối với đối tác đã có hợp tác từ trước; nội dung cần hợp tác trong khuôn khổ dự án; hình thức thực hiện. Phân tích rõ lý do cần hợp tác và dự kiến kết quả hợp tác, tác động của hợp tác đối với kết quả của dự án).

14 Tiến độ thực hiện dự án

STT	Nội dung, công việc chủ yếu cần được thực hiện	Kết quả phải đạt	Thời gian Thực hiện	Kinh phí dự kiến	Ghi chú
1					
2					
...					

15	**Kinh phí thực hiện**
	Giải trình cụ thể kinh phí thực hiện các nội dung và hoạt động của dự án, mua sắm trang thiết bị, kinh phí đào tạo, vận hành dự án,...
III.	**KẾT QUẢ CỦA DỰ ÁN**
16	**Yêu cầu đối với kết quả dự án**
	16.1. Cơ sở vật chất, trang thiết bị, quy mô của cơ sở ươm tạo, đội ngũ nhân lực, cách thức tổ chức, quản lý, vận hành,... *16.2. Số lượng tổ chức, cá nhân thực hiện dự án ươm tạo công nghệ cao, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao tại cơ sở.* *16.3. Nội dung, yêu cầu đạt được đối với tổ chức, cá nhân thực hiện dự án ươm tạo công nghệ cao, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao tại cơ sở.*
17	**Hiệu quả của dự án**
	17.1. Mức độ đóng góp, tác động dẫn đầu, lan tỏa đối với sự phát triển ngành, lĩnh vực, khu vực, địa phương. *17.2. Hiệu quả về khoa học và công nghệ.* *17.3. Hiệu quả về kinh tế - xã hội.*

Ngày .... tháng .... năm 20....

Tổ chức chủ trì Dự án
(Họ tên, chữ ký, đóng dấu)

Chủ nhiệm Dự án
(Họ tên, chữ ký)

Văn phòng Chương trình quốc gia phát triển công nghệ cao[1]
(Họ tên, chữ ký, đóng dấu)

Đại diện Ban chủ nhiệm Chương trình[2]
(Họ tên, chữ ký, đóng dấu)

[1,2] *Chỉ ký tên, đóng dấu khi dự án được phê duyệt.*

CHI PHÍ NGÂN SÁCH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN

Đơn vị: triệu đồng

TT	Mục chi	Nội dung	Đơn vị đo	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Nguồn vốn									
							Ngân sách ĐTPT								Tự có	Khác
							Tổng số	*Trong đó, khoán chi theo quy định*	Năm thứ nhất	*Trong đó, khoán chi theo quy định*	Năm thứ hai	*Trong đó, khoán chi theo quy định*	Năm thứ ...	*Trong đó, khoán chi theo quy định*		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*
1																
2																
3																
		....														
	Cộng:															

CHI PHÍ NGÂN SÁCH SỰ NGHIỆP KHOA HỌC

Đơn vị: triệu đồng

TT	**Mục chi**	**Nội dung**	**Đơn vị đo**	**Số lượng**	**Đơn giá**	**Thành tiền**	**Nguồn vốn**									
							Ngân sách SNKH								**Tự có**	**Khác**
							Tổng số	*Trong đó, khoán chi theo quy định*	Năm thứ nhất	*Trong đó, khoán chi theo quy định*	Năm thứ hai	*Trong đó, khoán chi theo quy định*	Năm thứ ...	*Trong đó, khoán chi theo quy định*		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*
1																
2																
3																
		....														
	Cộng:															

Biểu A3-3c
31/2012/TT-BKHCN

THUYẾT MINH DỰ ÁN
XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ CAO
(Dự án xây dựng và nâng cấp phòng thí nghiệm công nghệ cao)

I. THÔNG TIN CHUNG			
1	**Tên dự án**	**2**	**Mã số** *(được cấp khi trúng tuyển)*
3	**Thời gian, địa điểm thực hiện dự án**		
4	**Kinh phí**		
	Tổng kinh phí đầu tư: triệu đồng *Các giai đoạn đầu tư:* • *Giai đoạn 1: triệu đồng* • *Giai đoạn 2: triệu đồng* • ... *Xuất xứ nguồn vốn:* • *Từ ngân sách nhà nước: triệu đồng* • *Từ vốn tự có của đơn vị: triệu đồng* • *Từ các nguồn vốn khác: triệu đồng (hoặc USD)* **Tỷ giá đồng/USD** (tại thời điểm đề xuất thuyết minh dự án hoặc thực hiện dự án) **Hình thức đầu tư:**		
5	**Loại hình**		
	☐ Nâng cấp từ phòng thí nghiệm trọng điểm cấp nhà nước ☐ Nâng cấp từ phòng thí nghiệm chuyên ngành ☐ Xây dựng mới		
6	**Lĩnh vực**		
	☐ Công nghệ thông tin ☐ Vật liệu mới ☐ Tự động hóa ☐ Công nghệ sinh học ☐ Tập hợp hoặc tích hợp các công nghệ nêu trên (nêu rõ)		

7	**Tổ chức chủ trì dự án**
	Tên tổ chức: Điện thoại: Fax: E-mail: Website: Địa chỉ: Họ và tên thủ trưởng tổ chức: Số tài khoản: Kho bạc nhà nước, Ngân hàng:
8	**Chủ nhiệm dự án**
	Họ và tên: Giới tính: Ngày, tháng, năm sinh: Học hàm, học vị: Trình độ chuyên môn: Điện thoại: Fax: E-mail: Địa chỉ nhà riêng:
9	**Các tổ chức phối hợp thực hiện dự án**

TT	Tên tổ chức	Địa chỉ	Cơ quan chủ quản
1			
2			
...			

10 **Các cán bộ thực hiện dự án** *(gửi kèm tóm tắt hoạt động khoa học và công nghệ)*

TT	Họ và tên, học hàm, học vị	Nơi công tác	Nội dung, công việc chính tham gia dự án	Thời gian tham gia dự án
1				
2				
...				

11 **Luận cứ xây dựng dự án**

11.1. Nêu rõ sự phù hợp của dự án theo từng điểm, khoản được quy định tại Điều 2, Điều 3 của Thông tư Hướng dẫn xác định dự án, tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp thực hiện dự án thuộc Chương trình nghiên cứu, đào tạo và xây dựng hạ tầng kỹ thuật công nghệ cao

11.2. Hiện trạng và tính cấp thiết của dự án

- Kinh nghiệm thế giới trong việc xây dựng và nâng cấp các phòng thí nghiệm công nghệ cao có liên quan đến dự án; tổng quan thực trạng trong nước về hoạt động của các phòng thí nghiệm công nghệ cao có liên quan đến dự án.

- Phân tích về nhu cầu, yêu cầu và sự cần thiết phải có dự án.

11.3. Thông tin về phòng thí nghiệm hiện có dự kiến nâng cấp thành phòng thí nghiệm công nghệ cao của tổ chức chủ trì (nếu có)

- Số cán bộ khoa học công nghệ đang làm việc tại phòng thí nghiệm.

- Thành quả đạt được của phòng thí nghiệm trong thời gian 5 năm gần nhất (các kết quả nghiên cứu được đăng trên các tạp chí quốc tế và trong nước; các sản phẩm nghiên cứu và chế tạo được; các công nghệ đã được chuyển giao; thống kê kết quả nghiên cứu của các dự án khoa học công nghệ cấp Nhà nước đã và đang thực hiện; kết quả đào tạo cán bộ khoa học công nghệ,...

- Kết quả hợp tác nghiên cứu với các cơ sở nghiên cứu trong và ngoài nước (nêu cụ thể các công trình hợp tác, kinh phí, hiệu quả và kết quả đạt được).

12	**Tính khả thi của dự án**

12.1. Giải trình nội dung xây dựng và nâng cấp phòng thí nghiệm công nghệ cao

- Giải trình về vị trí xây dựng cơ sở nghiên cứu (nêu rõ lợi thế về địa lý và các điều kiện đảm bảo cho hoạt động ổn định của cơ sở).

- Giải trình định hướng, nhiệm vụ nghiên cứu của phòng thí nghiệm.

- Phân tích khả năng tạo ra công nghệ cao đạt trình độ tiên tiến trong khu vực hoặc sản phẩm, dịch vụ công nghệ cao đạt trình độ quốc tế hoặc sản phẩm chủ lực của các ngành kinh tế,...

- Đánh giá năng lực quản lý và nghiên cứu trong lĩnh vực công nghệ thuộc dự án của thủ trưởng phòng thí nghiệm công nghệ cao thể hiện qua số lượng bài báo đăng trên tạp chí chuyên ngành trong và ngoài nước; số lượng sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp bằng hoặc chấp nhận đơn; số lượng đề tài, dự án trong lĩnh vực có liên quan từ cấp Bộ trở lên đã được nghiệm thu; số lượng công nghệ cốt lõi trong lĩnh vực chuyên ngành đã làm chủ; số lượng công nghệ, sản phẩm đã chuyển giao hoặc đưa vào sản xuất; số lượng dự án hợp tác nghiên cứu và phát triển với đối tác trong và ngoài nước.

- Giải trình về cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật, trang thiết bị (cụ thể chỉ tiêu kĩ thuật, trình độ công nghệ đối với các thiết bị có giá trị

lớn),... của phòng thí nghiệm công nghệ cao (Phòng thí nghiệm công nghệ cao phải được trang bị máy móc, thiết bị đồng bộ, hiện đại đạt trình độ các nước trong khu vực, một số máy móc thiết bị đạt trình độ quốc tế; được xây dựng và phát triển theo nguyên tắc tận dụng tối đa cơ sở vật chất, máy móc thiết bị).

- Các phương án quản lý và hoạt động của phòng thí nghiệm công nghệ cao theo hướng mở, hợp tác trong và ngoài nước; khai thác hiệu quả việc sử dụng trang thiết bị; thu hút lực lượng cán bộ khoa học công nghệ trình độ cao; tuân thủ các quy định hiện hành về bảo vệ môi trường và an toàn phòng thí nghiệm khi đưa cơ sở nghiên cứu vào hoạt động;...

- Giải trình về nhân lực tham gia: số lượng, cơ cấu, chức danh cán bộ khoa học công nghệ cho phòng thí nghiệm công nghệ cao, trên cơ sở đó xây dựng phương án đào tạo, bổ túc nâng cao trình độ (Làm rõ yêu cầu: số lượng cán bộ có bằng đại học trở lên trực tiếp tham gia nghiên cứu và phát triển công nghệ tại phòng thí nghiệm công nghệ cao phải đạt ít nhất 70% tổng số cán bộ. Phải có ít nhất 40% tổng số cán bộ của phòng thí nghiệm được học tập hoặc thực tập nghiệp vụ tại cơ sở nghiên cứu và phát triển, cơ sở sản xuất hiện đại ở nước ngoài hoặc tại cơ sở nghiên cứu và phát triển, cơ sở sản xuất ở trong nước đạt trình độ quốc tế).

- Giải trình năng lực hợp tác của phòng thí nghiệm với các cơ sở nghiên cứu trong và ngoài nước.

- Kế hoạch hoạt động trong thời gian thực hiện dự án và sau khi dự án kết thúc, đặc biệt phương án huy động vốn và tự chủ tài chính để cơ sở duy trì và phát triển.

12.2. Giải trình chi tiết năng lực thực hiện dự án của tổ chức chủ trì

- Giải trình chi tiết nguồn nhân lực, số lượng, trình độ cán bộ trực tiếp tham gia dự án.

- Giải trình cơ sở vật chất – kỹ thuật, năng lực về tài chính (báo cáo tài chính 3 năm gần nhất), năng lực khoa học và công nghệ, năng lực thu thập và xử lý thông tin, năng lực hợp tác trong và ngoài nước; năng lực quản lý, năng lực quản lý tài chính, một số kết quả nổi bật đã đạt được.

12.3. Mô hình cụ thể tổ chức, triển khai dự án

12.4. Đề xuất phương án chi tiết sử dụng, khai thác dự án của tổ chức chủ trì

12.5. Phân tích tính khả thi của dự án, điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội, nguy cơ và rủi ro của dự án

II. MỤC TIÊU, NỘI DUNG, GIẢI PHÁP, TIẾN ĐỘ VÀ KINH PHÍ THỰC HIỆN	
13	**Mục tiêu của dự án**
Nêu rõ mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể của dự án, trong đó mục tiêu cụ thể được định lượng và có các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật cần đạt được.	
14	**Nội dung**
Mô tả chi tiết các nội dung và hoạt động của dự án cần thực hiện để giải quyết vấn đề đặt ra kèm theo các nhu cầu về nhân lực, tài chính và nguyên vật liệu,... *- Nội dung 1:* *+ Công việc 1:...* *+ Công việc 2:...* *+ ...* *- Nội dung 2:* *+ Công việc 1:...* *+ Công việc 2:...* *+ ...* *- ...*	
15	**Giải pháp thực hiện dự án**
15.1. Giải pháp huy động nguồn vốn thực hiện dự án *- Cơ cấu nguồn vốn;* *- Nguyên tắc huy động nguồn vốn;* *- Tiến độ huy động nguồn vốn.* *15.2. Phân kỳ dự án (giải trình các giai đoạn triển khai cụ thể, có tính khả thi cao).* *15.3. Nhân lực tham gia dự án (kế hoạch huy động và phát triển nguồn nhân lực tham gia dự án).* *15.4. Thông tin tuyên truyền.* *15.5. Hợp tác quốc tế (Trình bày rõ phương án phối hợp: tên đối tác nước ngoài; nội dung đã hợp tác - đối với đối tác đã có hợp tác từ trước; nội dung cần hợp tác trong khuôn khổ dự án; hình thức thực hiện. Phân tích rõ lý do cần hợp tác và dự kiến kết quả hợp tác, tác động của hợp tác đối với kết quả của dự án).*	

<table>
<tr><td>16</td><td colspan="6">Tiến độ thực hiện</td></tr>
<tr><td></td><td>STT</td><td>Nội dung, công việc chủ yếu cần được thực hiện</td><td>Kết quả phải đạt</td><td>Thời gian thực hiện</td><td>Kinh phí dự kiến</td><td>Ghi chú</td></tr>
<tr><td></td><td>1</td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td></tr>
<tr><td></td><td>2</td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td></tr>
<tr><td></td><td>...</td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td></tr>
<tr><td>17</td><td colspan="6">Kinh phí thực hiện</td></tr>
<tr><td colspan="7">Giải trình cụ thể kinh phí thực hiện các nội dung và hoạt động của dự án, mua sắm trang thiết bị, kinh phí đào tạo, vận hành dự án,...</td></tr>
<tr><td colspan="7">III. KẾT QUẢ CỦA DỰ ÁN</td></tr>
<tr><td>18</td><td colspan="6">Yêu cầu đối với kết quả của dự án</td></tr>
<tr><td colspan="7">18.1. Quy mô, cơ sở vật chất, trang thiết bi, đội ngũ cán bộ nghiên cứu, lĩnh vực nghiên cứu và phát triển,... của phòng thí nghiệm công nghệ cao.
18.2. Công nghệ cao, sản phẩm công nghệ cao và các công trình nghiên cứu khác (bài báo, sáng chế,...) được thực hiện tại phòng thí nghiệm công nghệ cao. Trình độ và kết quả công nghệ cao, sản phẩm công nghệ cao, các công trình nghiên cứu khác được thực hiện.
18.3. So sánh với các phòng thí nghiệm công nghệ cao trong khu vực, thế giới.</td></tr>
<tr><td>19</td><td colspan="6">Hiệu quả của dự án</td></tr>
<tr><td colspan="7">19.1. Quy mô, cơ sở vật chất, trang thiết bi, đội ngũ cán bộ nghiên cứu, lĩnh vực nghiên cứu và phát triển,... của cơ sở.
19.2. Hiệu quả về khoa học và công nghệ.
19.3. Hiệu quả về kinh tế - xã hội.</td></tr>
</table>

Ngày .... tháng .... năm 20....

Tổ chức chủ trì Dự án
(Họ tên, chữ ký, đóng dấu)

Chủ nhiệm Dự án
(Họ tên, chữ ký)

Văn phòng Chương trình quốc gia phát triển công nghệ cao[1]
(Họ tên, chữ ký, đóng dấu)

Đại diện Ban chủ nhiệm Chương trình[2]
(Họ tên, chữ ký, đóng dấu)

[1,2] *Chỉ ký tên, đóng dấu khi dự án được phê duyệt.*

CHI PHÍ NGÂN SÁCH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN

Đơn vị: triệu đồng

TT	Mục chi	Nội dung	Đơn vị đo	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Nguồn vốn									
							Ngân sách ĐTPT								Tự có	Khác
							Tổng số	*Trong đó, khoán chi theo quy định*	Năm thứ nhất	*Trong đó, khoán chi theo quy định*	Năm thứ hai	*Trong đó, khoán chi theo quy định*	Năm thứ ...	*Trong đó, khoán chi theo quy định*		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*
1																
2																
3																
		....														
	Cộng:															

CHI PHÍ NGÂN SÁCH SỰ NGHIỆP KHOA HỌC

Đơn vị: triệu đồng

TT	Mục chi	Nội dung	Đơn vị đo	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Nguồn vốn									
							Ngân sách SNKH								Tự có	Khác
							Tổng số	*Trong đó, khoán chi theo quy định*	Năm thứ nhất	*Trong đó, khoán chi theo quy định*	Năm thứ hai	*Trong đó, khoán chi theo quy định*	Năm thứ ...	*Trong đó, khoán chi theo quy định*		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*
1																
2																
3																
		....														
	Cộng:															

Biểu A3-3d
31/2012/TT-BKHCN

THUYẾT MINH DỰ ÁN
XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ CAO
(Dự án xây dựng cơ sở hỗ trợ cho phát triển sản phẩm công nghệ cao)

<table>
<tr><td colspan="4">I. THÔNG TIN CHUNG</td></tr>
<tr><td>1</td><td>Tên dự án</td><td>2</td><td>Mã số (được cấp khi hồ sơ trúng tuyển)</td></tr>
<tr><td colspan="2"></td><td colspan="2"></td></tr>
<tr><td>3</td><td colspan="3">Thời gian, địa điểm thực hiện dự án</td></tr>
<tr><td colspan="4"></td></tr>
<tr><td>4</td><td colspan="3">Kinh phí</td></tr>
<tr><td></td><td colspan="3">Tổng kinh phí đầu tư: triệu đồng
Các giai đoạn đầu tư:
• Giai đoạn 1: triệu đồng
• Giai đoạn 2: triệu đồng
• ...
Xuất xứ nguồn vốn:
• Từ ngân sách nhà nước: triệu đồng
• Từ vốn tự có của đơn vị: triệu đồng
• Từ các nguồn vốn khác: triệu đồng (hoặc USD)
Tỷ giá đồng/USD (tại thời điểm đề xuất thuyết minh dự án hoặc thực hiện dự án)
Hình thức đầu tư:</td></tr>
<tr><td>5</td><td colspan="3">Tổ chức chủ trì dự án</td></tr>
<tr><td></td><td colspan="3">Tên tổ chức:
Điện thoại: Fax:
E-mail:
Website:
Địa chỉ:
Họ và tên thủ trưởng tổ chức:
Số tài khoản:
Kho bạc nhà nước, Ngân hàng:</td></tr>
</table>

6 Chủ nhiệm dự án

Họ và tên:

Ngày, tháng, năm sinh:

Học hàm, học vị:

Trình độ chuyên môn:

Điện thoại: Fax:

E-mail:

Địa chỉ nhà riêng:

7 Các tổ chức phối hợp thực hiện dự án

TT	Tên tổ chức	Địa chỉ	Cơ quan chủ quản
1			
2			
...			

8 Các cán bộ thực hiện dự án *(gửi kèm tóm tắt hoạt động khoa học và công nghệ)*

TT	Họ và tên, học hàm, học vị	Nơi công tác	Nội dung, công việc chính tham gia dự án	Thời gian tham gia dự án
1				
2				
...				

9 Luận cứ xây dựng dự án

9.1. Nêu rõ sự phù hợp của dự án theo từng điểm, khoản được quy định tại Điều 2, Điều 3 của Thông tư Hướng dẫn xác định dự án, tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp thực hiện dự án thuộc Chương trình nghiên cứu, đào tạo và xây dựng hạ tầng kỹ thuật công nghệ cao.

9.2. Hiện trạng và tính cấp thiết của dự án

- Kinh nghiệm thế giới trong việc xây dựng cơ sở hỗ trợ cho phát triển sản phẩm công nghệ cao; tổng quan thực trạng trong nước về hoạt động hỗ trợ cho phát triển sản phẩm công nghệ cao liên quan đến dự án.

- Phân tích về nhu cầu, yêu cầu và sự cần thiết phải có dự án.

10	**Tính khả thi của dự án**

10.1. Giải trình cụ thể về mô hình cơ sở hỗ trợ cho phát triển sản phẩm công nghệ cao trong dự án

- Vị trí thuận lợi cho hoạt động hỗ trợ phát triển sản phẩm công nghệ cao (ví dụ: tại vùng kinh tế trọng điểm, vùng công nghiệp tập trung nhiều cơ sở sản xuất, dịch vụ công nghệ cao,...).

- Lĩnh vực ưu tiên hỗ trợ cho phát triển sản phẩm công nghệ cao (giải trình nguyên nhân việc tập trung hỗ trợ, thúc đẩy sản xuất, cung ứng các sản phẩm, dịch vụ công nghệ cao thuộc Danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển).

- Giải trình về hệ thống máy móc, thiết bị đồng bộ, hiện đại đạt trình độ các nước trong khu vực, một số máy móc thiết bị đạt trình độ quốc tế.

- Giải trình khả năng đáp ứng hỗ trợ sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công nghệ cao đạt trình độ quốc tế hoặc sản phẩm chủ lực của các ngành kinh tế và có khả năng hợp tác với các nước trong khu vực về phát triển sản phẩm công nghệ cao.

- Giải trình về số lượng và trình độ nhân lực tham gia hoạt động tại cơ sở hỗ trợ cho phát triển sản phẩm công nghệ cao, đặc biệt là nhân lực trực tiếp tham gia thực hiện nghiên cứu và phát triển.

- Giải trình mối quan hệ hợp tác với các cơ sở hỗ trợ cho phát triển sản phẩm công nghệ cao trong và ngoài nước.

- Kế hoạch hoạt động trong thời gian thực hiện dự án và sau khi dự án kết thúc, đặc biệt phương án huy động vốn và tự chủ tài chính để cơ sở duy trì và phát triển.

10.2. Giải trình chi tiết năng lực thực hiện dự án của tổ chức chủ trì

- Giải trình chi tiết nguồn nhân lực, số lượng, trình độ cán bộ trực tiếp tham gia dự án.

- Giải trình cơ sở vật chất - kỹ thuật, năng lực về tài chính (báo cáo tài chính 3 năm gần nhất), năng lực khoa học và công nghệ, năng lực thu thập và xử lý thông tin, năng lực hợp tác trong và ngoài nước; năng lực quản lý, năng lực quản lý tài chính, một số kết quả nổi bật đã đạt được.

10.3. Mô hình cụ thể tổ chức, triển khai dự án.

10.4. Đề xuất phương án chi tiết sử dụng, khai thác dự án của tổ chức chủ trì.

10.5. Phân tích tính khả thi của dự án, điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội, nguy cơ và rủi ro của dự án.

II. MỤC TIÊU, NỘI DUNG, GIẢI PHÁP, TIẾN ĐỘ VÀ KINH PHÍ THỰC HIỆN	
11	**Mục tiêu của dự án**
Nêu rõ mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể của dự án, trong đó mục tiêu cụ thể được định lượng và có các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật cần đạt được.	
12	**Nội dung và các hoạt động của dự án**
Mô tả chi tiết các nội dung và hoạt động của dự án cần thực hiện để giải quyết vấn đề đặt ra kèm theo các nhu cầu về nhân lực, tài chính và nguyên vật liệu,... *- Nội dung 1:* *+ Công việc 1:...* *+ Công việc 2:...* *+ ...* *- Nội dung 2:* *+ Công việc 1:...* *+ Công việc 2:...* *+ ...* *- ...*	
13	**Giải pháp thực hiện dự án**
13.1. Giải pháp huy động nguồn vốn thực hiện dự án *- Cơ cấu nguồn vốn;* *- Nguyên tắc huy động nguồn vốn;* *- Tiến độ huy động nguồn vốn.* *13.2. Phân kỳ dự án (giải trình các giai đoạn triển khai cụ thể, có tính khả thi cao).* *13.3. Nhân lực tham gia dự án (kế hoạch huy động và phát triển nguồn nhân lực tham gia dự án).* *13.4. Thông tin tuyên truyền.* *13.5. Hợp tác quốc tế (Trình bày rõ phương án phối hợp: tên đối tác nước ngoài; nội dung đã hợp tác - đối với đối tác đã có hợp tác từ trước; nội dung cần hợp tác trong khuôn khổ dự án; hình thức thực hiện. Phân tích rõ lý do cần hợp tác và dự kiến kết quả hợp tác, tác động của hợp tác đối với kết quả của dự án).*	

<table>
<tr><td>14</td><td colspan="6">Tiến độ thực hiện dự án</td></tr>
<tr><td></td><td>STT</td><td>Nội dung, công việc chủ yếu cần được thực hiện</td><td>Kết quả phải đạt</td><td>Thời gian thực hiện</td><td>Kinh phí dự kiến</td><td>Ghi chú</td></tr>
<tr><td></td><td>1</td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td></tr>
<tr><td></td><td>2</td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td></tr>
<tr><td></td><td>...</td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td></tr>
<tr><td>15</td><td colspan="6">Kinh phí thực hiện</td></tr>
<tr><td colspan="7">Giải trình cụ thể kinh phí thực hiện các nội dung và hoạt động của dự án, mua sắm trang thiết bị, kinh phí đào tạo, vận hành dự án,...</td></tr>
<tr><td colspan="7">III. KẾT QUẢ CỦA DỰ ÁN</td></tr>
<tr><td>16</td><td colspan="6">Yêu cầu đối với kết quả của dự án</td></tr>
<tr><td colspan="7">16.1. Quy mô, cơ sở vật chất, trang thiết bi, đội ngũ cán bộ, lĩnh vực hỗ trợ,... của cơ sở hỗ trợ cho phát triển sản phẩm công nghệ cao.
16.2. Các công nghệ cao, sản phẩm công nghệ cao, doanh nghiệp được hỗ trợ tại cơ sở hỗ trợ cho phát triển sản phẩm công nghệ cao.
16.3. So sánh với các cơ sở hỗ trợ cho phát triển sản phẩm công nghệ cao trong khu vực và trên thế giới.</td></tr>
<tr><td>17</td><td colspan="6">Hiệu quả của dự án</td></tr>
<tr><td colspan="7">17.1. Mức độ đóng góp, tác động dẫn đầu, lan tỏa đối với sự phát triển ngành, lĩnh vực, khu vực, địa phương.
17.2. Hiệu quả về khoa học và công nghệ.
17.3. Hiệu quả về kinh tế - xã hội.</td></tr>
</table>

Ngày .... tháng .... năm 20....

Tổ chức chủ trì Dự án
(Họ tên, chữ ký, đóng dấu)

Chủ nhiệm Dự án
(Họ tên, chữ ký)

Văn phòng Chương trình quốc gia phát triển công nghệ cao[1]
(Họ tên, chữ ký, đóng dấu)

Đại diện Ban chủ nhiệm Chương trình[2]
(Họ tên, chữ ký, đóng dấu)

[1,2] *Chỉ ký tên, đóng dấu khi dự án được phê duyệt.*

CHI PHÍ NGÂN SÁCH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN

Đơn vị: triệu đồng

TT	Mục chi	Nội dung	Đơn vị đo	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Nguồn vốn									
							Ngân sách ĐTPT								Tự có	Khác
							Tổng số	*Trong đó, khoán chi theo quy định*	Năm thứ nhất	*Trong đó, khoán chi theo quy định*	Năm thứ hai	*Trong đó, khoán chi theo quy định*	Năm thứ ...	*Trong đó, khoán chi theo quy định*		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*
1																
2																
3																
		....														
	Cộng:															

CHI PHÍ NGÂN SÁCH SỰ NGHIỆP KHOA HỌC

Đơn vị: triệu đồng

TT	Mục chi	Nội dung	Đơn vị đo	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Nguồn vốn									
							Ngân sách SNKH								Tự có	Khác
							Tổng số	*Trong đó, khoán chi theo quy định*	Năm thứ nhất	*Trong đó, khoán chi theo quy định*	Năm thứ hai	*Trong đó, khoán chi theo quy định*	Năm thứ ...	*Trong đó, khoán chi theo quy định*		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*
1																
2																
3																
		....														
	Cộng:															

Biểu A3-3đ
31/2012/TT-BKHCN

THUYẾT MINH DỰ ÁN
XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ CAO
(Dự án xây dựng trung tâm chuyển giao công nghệ)

<table>
<tr><td colspan="4">I. THÔNG TIN CHUNG</td></tr>
<tr><td>1</td><td>Tên dự án</td><td>2</td><td>Mã số (được cấp khi hồ sơ trúng tuyển)</td></tr>
<tr><td colspan="2"></td><td colspan="2"></td></tr>
<tr><td>3</td><td colspan="3">Thời gian, địa điểm thực hiện dự án</td></tr>
<tr><td colspan="4"></td></tr>
<tr><td>4</td><td colspan="3">Kinh phí</td></tr>
<tr><td colspan="4">Tổng kinh phí đầu tư: triệu đồng
Các giai đoạn đầu tư:
• Giai đoạn 1: triệu đồng
• Giai đoạn 2: triệu đồng
• ...
Xuất xứ nguồn vốn :
• Từ ngân sách nhà nước: triệu đồng
• Từ vốn tự có của đơn vị: triệu đồng
• Từ các nguồn vốn khác: triệu đồng (hoặc USD)
Tỷ giá đồng/USD (tại thời điểm đề xuất thuyết minh dự án hoặc thực hiện dự án)
Hình thức đầu tư:</td></tr>
<tr><td>5</td><td colspan="3">Tổ chức chủ trì dự án</td></tr>
<tr><td colspan="4">Tên tổ chức:
Điện thoại: Fax:
E-mail:
Website:
Địa chỉ:
Họ và tên thủ trưởng tổ chức:
Số tài khoản:
Kho bạc nhà nước, Ngân hàng:</td></tr>
</table>

6 Chủ nhiệm dự án

Họ và tên:

Ngày, tháng, năm sinh:

Học hàm, học vị:

Trình độ chuyên môn:

Điện thoại: Fax:

E-mail:

Địa chỉ nhà riêng:

7 Các tổ chức phối hợp thực hiện dự án

TT	Tên tổ chức	Địa chỉ	Cơ quan chủ quản
1			
2			
...			

8 Các cán bộ thực hiện dự án *(gửi kèm tóm tắt hoạt động khoa học và công nghệ)*

TT	Họ và tên, học hàm, học vị	Nơi công tác	Nội dung, công việc chính tham gia dự án	Thời gian tham gia dự án
1				
2				
...				

9 Luận cứ xây dựng dự án

9.1. Nêu rõ sự phù hợp của dự án theo từng điểm, khoản được quy định tại Điều 2, Điều 3 của Thông tư hướng dẫn xác định dự án, tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp thực hiện dự án thuộc Chương trình nghiên cứu, đào tạo và xây dựng hạ tầng kỹ thuật công nghệ cao.

9.2. Hiện trạng và tính cấp thiết của dự án

- Kinh nghiệm thế giới trong việc xây dựng trung tâm chuyển giao công nghệ cao; tổng quan thực trạng hoạt động chuyển giao công nghệ cao trong nước.

- Phân tích về nhu cầu, yêu cầu và sự cần thiết phải có dự án.

10	**Tính khả thi của dự án**

10.1. Giải trình nội dung xây dựng và phát triển trung tâm chuyển giao công nghệ cao.

- Vị trí thuận lợi của trung tâm chuyển giao công nghệ cho hoạt động chuyển giao công nghệ (ví dụ: ở gần trung tâm kinh tế - xã hội, trường đại học, viện nghiên cứu lớn, khu công nghệ cao, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, khu công nghệ thông tin tập trung, thuận lợi về giao thông,...).

- Lĩnh vực công nghệ chuyển giao (giải trình rõ lý do việc tập trung vào chuyển giao các công nghệ là thế hệ công nghệ mới, thuộc Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển).

- Giải trình về cơ sở vật chất, hạ tầng và hệ thống thông tin hiện đại,... đáp ứng các yêu cầu chuyển giao công nghệ.

- Giải trình về đội ngũ cán bộ kỹ thuật có trình độ, đội ngũ chuyên gia tư vấn về công nghệ, sở hữu trí tuệ, pháp lý, tài chính, quản lý, quản trị doanh nghiệp bảo đảm đáp ứng hoạt động chuyển giao công nghệ cao.

- Giải trình về khả năng liên kết với cơ sở sản xuất, nghiên cứu, đào tạo phục vụ hoạt động chuyển giao công nghệ cao tại Việt Nam.

- Giải trình mối quan hệ hợp tác với mạng lưới chuyển giao công nghệ trong và ngoài nước.

- Dự báo nhu cầu thị trường (lựa chọn các công nghệ, đối tác chuyển giao, các doanh nghiệp, đơn vị nhận chuyển giao); phương án tiếp thị sản phẩm của dự án (tuyên truyền, quảng cáo, xây dựng trang web, tham gia hội chợ triển lãm, trình diễn công nghệ,...).

- Kế hoạch hoạt động trong thời gian thực hiện dự án và sau khi dự án kết thúc, đặc biệt phương án huy động vốn và tự chủ tài chính để cơ sở duy trì và phát triển.

10.2. Giải trình chi tiết năng lực thực hiện dự án của tổ chức chủ trì

- Giải trình chi tiết nguồn nhân lực, số lượng, trình độ cán bộ trực tiếp tham gia dự án.

- Giải trình cơ sở vật chất - kỹ thuật, năng lực về tài chính (báo cáo tài chính 3 năm gần nhất), năng lực khoa học và công nghệ, năng lực thu thập và xử lý thông tin, năng lực hợp tác trong và ngoài nước; năng lực quản lý, năng lực quản lý tài chính, một số kết quả nổi bật đã đạt được.

10.3. Mô hình cụ thể tổ chức, triển khai dự án.

10.4. Đề xuất phương án chi tiết sử dụng, khai thác dự án của tổ chức chủ trì.

10.5. Phân tích tính khả thi của dự án, điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội, nguy cơ và rủi ro của dự án.

II. MỤC TIÊU, NỘI DUNG, GIẢI PHÁP, TIẾN ĐỘ VÀ KINH PHÍ THỰC HIỆN

11 Mục tiêu của dự án

Nêu rõ mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể của dự án, trong đó mục tiêu cụ thể được định lượng và có các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật cần đạt được.

12 Nội dung và các hoạt động của dự án

Mô tả chi tiết các nội dung và hoạt động của dự án cần thực hiện để giải quyết vấn đề đặt ra kèm theo các nhu cầu về nhân lực, tài chính và nguyên vật liệu,...

- Nội dung 1:

+ Công việc 1:...

+ Công việc 2:...

+ ...

- Nội dung 2:

+ Công việc 1:...

+ Công việc 2:...

+ ...

- ...

13 Giải pháp thực hiện dự án

13.1. Giải pháp huy động nguồn vốn thực hiện dự án

- Cơ cấu nguồn vốn;

- Nguyên tắc huy động nguồn vốn;

- Tiến độ huy động nguồn vốn.

13.2. Phân kỳ dự án (giải trình các giai đoạn triển khai cụ thể, có tính khả thi cao).

13.3. Nhân lực tham gia dự án (kế hoạch huy động và phát triển nguồn nhân lực tham gia dự án).

13.4. Thông tin tuyên truyền.

13.5. Hợp tác quốc tế (Trình bày rõ phương án phối hợp: tên đối tác nước ngoài; nội dung đã hợp tác - đối với đối tác đã có hợp tác từ trước; nội dung cần hợp tác trong khuôn khổ dự án; hình thức thực hiện. Phân tích rõ lý do cần hợp tác và dự kiến kết quả hợp tác, tác động của hợp tác đối với kết quả của dự án).

13.6. Giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp sau khi chuyển giao công nghệ (duy trì liên kết với các hiệp hội doanh nghiệp, các tổ chức tài chính trong và ngoài nước...).

14 Tiến độ thực hiện dự án

STT	Nội dung, công việc chủ yếu cần được thực hiện	Kết quả phải đạt	Thời gian thực hiện	Kinh phí dự kiến	Ghi chú
1					
2					
...					

15 Kinh phí thực hiện

Giải trình cụ thể kinh phí thực hiện các nội dung và hoạt động của dự án, mua sắm trang thiết bị, kinh phí đào tạo, vận hành dự án,...

III. KẾT QUẢ CỦA DỰ ÁN

16 Yêu cầu đối với kết quả của dự án

16.1. Quy mô, cơ sở vật chất, trang thiết bi, đội ngũ cán bộ, lĩnh vực hỗ trợ,... của trung tâm chuyển giao công nghệ cao.

16.2. Các công nghệ cao, sản phẩm công nghệ cao (quy mô, giá trị, trình độ…) được thực hiện chuyển giao tại trung tâm chuyển giao công nghệ cao.

16.3. So sánh với các trung tâm chuyển giao công nghệ cao trong khu vực và trên thế giới.

17 Hiệu quả của dự án

17.1. Mức độ đóng góp, tác động dẫn đầu, lan tỏa đối với sự phát triển ngành, lĩnh vực, khu vực, địa phương.

17.2. Hiệu quả về khoa học và công nghệ.

17.3. Hiệu quả về kinh tế - xã hội.

Ngày .... tháng .... năm 20....

Tổ chức chủ trì Dự án
(Họ tên, chữ ký, đóng dấu)

Chủ nhiệm Dự án
(Họ tên, chữ ký)

Văn phòng Chương trình quốc gia phát triển công nghệ cao[1]
(Họ tên, chữ ký, đóng dấu)

Đại diện Ban chủ nhiệm Chương trình[2]
(Họ tên, chữ ký, đóng dấu)

[1,2] *Chỉ ký tên, đóng dấu khi dự án được phê duyệt.*

CHI PHÍ NGÂN SÁCH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN

Đơn vị: triệu đồng

TT	Mục chi	Nội dung	Đơn vị đo	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Nguồn vốn									
							Ngân sách ĐTPT								Tự có	Khác
							Tổng số	*Trong đó, khoán chi theo quy định*	Năm thứ nhất	*Trong đó, khoán chi theo quy định*	Năm thứ hai	*Trong đó, khoán chi theo quy định*	Năm thứ ...	*Trong đó, khoán chi theo quy định*		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*
1																
2																
3																
		....														
	Cộng:															

CHI PHÍ NGÂN SÁCH SỰ NGHIỆP KHOA HỌC

Đơn vị: triệu đồng

TT	Mục chi	Nội dung	Đơn vị đo	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Nguồn vốn									
							Ngân sách SNKH								Tự có	Khác
							Tổng số	*Trong đó, khoán chi theo quy định*	Năm thứ nhất	*Trong đó, khoán chi theo quy định*	Năm thứ hai	*Trong đó, khoán chi theo quy định*	Năm thứ ...	*Trong đó, khoán chi theo quy định*		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*
1																
2																
3																
		....														
	Cộng:															

(Xem tiếp Công báo số 147 + 148)

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ: Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: 080.44946 – 080.44417
Fax: 080.44517
Email: congbao@chinhphu.vn
Website: http://congbao.chinhphu.vn
In tại: Xí nghiệp Bản đồ 1 - Bộ Quốc phòng

Giá: 10.000 đồng